

CHI TIẾT CÂU A B ĐỀ THI

Tên Bộ Đề Thi: qn

Môn học: NGUYEN LY CO BAN_DH,CD

Thời gian thi: 60

Giáo viên soạn đề: (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi: 496

Ngày soạn đề: 13/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Chọn nghĩa Mác - Lênin được coi thành tựu những bộ phận lý luận cơ bản nào?

- A. Chọn nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị và sự minh lịch sử của giai cấp công nhân
- B. Chọn nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị và phép biện chứng duy vật.
-  C. Triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.
- D. Chọn nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 2: Chọn nghĩa Mác - Lênin được coi thành tựu những bộ phận lý luận cơ bản nào?

- A. Chọn nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị và sự minh lịch sử của giai cấp công nhân.
- B. Chọn nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị và phép biện chứng duy vật.
-  C. Triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.
- D. Chọn nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 3: Trong chủ nghĩa Mác – Lênin, triết học là bộ phận lý luận nghiên cứu:

- A. Những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.
-  B. Những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng tho giải quan và phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.
- C. Nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa - bước chuyển biến lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và tiến tới chủ nghĩa cộng sản.
- D. Cả a, b, c đều sai.

Câu 4: Trong chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh tế chính trị là bộ phận lý luận nghiên cứu:

-  A. Những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.
- B. Những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng tho giải quan và phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.
- C. Nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa - bước chuyển biến lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và tiến tới chủ nghĩa cộng sản.
- D. Cả a, b, c đều sai.

Câu 5: Trong chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học là bộ phận lý luận nghiên cứu:

- A. Những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.
- B. Những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng tho giải quan và phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.
-  C. Những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa - bước chuyển biến lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và tiến tới chủ nghĩa cộng sản.
- D. Cả a, b, c đều sai.

Câu 6: Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học thống nhất với mục đích cuối cùng là:

- A. Khoa học và sự nghiệp chính trị của giai cấp công nhân.
- B. Khoa học và quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa - bước chuyển biến lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và tiến tới chủ nghĩa cộng sản.
-  C. Khoa học và sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng con người.
- D. Khoa học và những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

Câu 7: Phong trào công nhân tiêu biểu, qua đó nảy sinh yêu cầu khách quan cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác:

- A. Cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt ở Li-on (Pháp) năm 1831 – 1834.
- B. Phong trào Hiên chông (Anh) từ năm 1835 đến năm 1848.
- C. Cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt Si-lê-di (Đức) năm 1844.
-  D. Cả ba phong trào trên.

Câu 8: Tiềm ẩn lý luận quan trọng cho bước chuyển biến của C.Mác và Ph.Ăngghen từ thời giải quan duy tâm sang thời giải quan duy vật:

-  A. Chủ nghĩa duy vật, vô thần của Phoi-ê-béc
- B. Phép biện chứng của Hêghen.
- C. Học thuyết giá trị của Đ.Ri-cát-đô.
- D. Lý luận về chủ nghĩa xã hội của R. Ô-oen.

Câu 9: Lênin đã báo và phát triển chủ nghĩa Mác trong bối cảnh lịch sử mới là:

- A. Chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang một giai đoạn mới là giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.
- B. Tất cả các nước thuộc địa, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc tại nên sự thống nhất giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, giữa nhân dân các nước thuộc địa với giai cấp công nhân ở chính quốc.
- C. Đế báo và địa vị và lợi ích của giai cấp tư sản, những trào lưu tư tưởng như chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa xét lại, v.v... đã mang danh để mọi chủ nghĩa Mác để xuyên tạc và phỉ nhổ chủ nghĩa Mác.
-  D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 10: Phong trào nào được coi là sự khởi đầu của chủ nghĩa Mác, qua đó đặt nền tảng trong lịch sử nhân loại, một nhà nước kiểu mới (nhà nước chuyên chính vô sản được thành lập)?

- A. Cách mạng Tháng Mười Nga
-  B. Công xã Paris
- C. Cách mạng Việt Nam
- D. Cách mạng Cu Ba

Câu 11: Vai trò của Chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc đem lại những thành quả lớn lao cho sự nghiệp vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội?

- A. Đưa ra biện pháp cụ thể.
- B. Vạch ra những nhiệm vụ và biện pháp đúng đắn.
- C. Tạo cơ sở cho các lực lượng tiến bộ và nhân dân lao động thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.
-  D. Vai trò định hướng.

Câu 12: Căn cứ vào đâu để phân chia các trường phái triết học thành: chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy tâm và nhị nguyên; khả tri luận và bất khả tri luận?

-  A. Việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

- B. Việc xác định đối tượng nghiên cứu của triết học.
- C. Việc các trường phái không định vai trò quyết định của vật chất hay ý thức
- D. Việc các trường phái triết học có thể nhận nhận năng nhận thức của con người hay không.

Câu 13: Vấn đề cơ bản lớn của mọi trường phái triết học, đặc biệt là triết học hiện đại là:

- A. Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại.
- B. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.
- C. Vấn đề vật chất và ý thức.



- D. Cả a & b đều đúng.

Câu 14: Theo định nghĩa của Lênin về vật chất, thuộc tính quan trọng nhất để phân biệt vật chất với cái không phải là vật chất (ý thức, tinh thần) là gì?

- A. Vấn đề
- B. Không gian
- C. Thời gian



- D. Thực tại khách quan

Câu 15: Căn cứ vào đâu mà ta có thể không định “định nghĩa của Lênin về vật chất đã giải quyết vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường duy vật biện chứng”?



- A. Định nghĩa đã không định tính chất của vật chất, đồng thời ý thức là sự chép lại, chấp lại, phản ánh lại theo giải vật chất.
- B. Định nghĩa đã không định con người có thể nhận thức được thế giới.
- C. Định nghĩa đã không định tính chất của vật chất, khả năng sang tạo của tinh thần.
- D. Định nghĩa đã không định vật chất là cái có trước, được lập với ý thức.

Câu 16: Khái niệm dùng để chỉ sự vận động trong trạng thái cân bằng, ổn định tương đối, vận động chưa làm thay đổi cơ bản về chất, về vị trí, hình dáng, kết cấu của sự vật, hiện tượng:



- A. Động im.
- B. Lặng.
- C. Mâu thuẫn.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 17: Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc tự nhiên của ý thức:



- A. Thế giới khách quan; Bộ não người và cơ chế phản ánh.
- B. Hệ thần kinh trung ương.
- C. Bộ não người và lao động.
- D. Lao động và ngôn ngữ.

Câu 18: Điểm vào chỗ trống:

Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, “... là sự tái tạo những đặc điểm của dạng vật chất này ở dạng vật chất khác trong quá trình tác động qua lại lẫn nhau giữa chúng.... là thuộc tính của tất cả các dạng vật chất song ... được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào trình độ kết cấu của các dạng vật chất”.

- A. Vận động
- B. Phản ánh
- C. Tương tác
- D. Sự liên hệ



Câu 19: Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, “ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội” vì:

- A. Sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn.
- B. Sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với các quy luật xã hội.
-  C. Sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với điều kiện sinh hoạt hiện thực của xã hội.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 20: Nếu tiếp cận kết cấu của ý thức theo chiều sâu nội tâm, thì ý thức bao gồm những yếu tố nào?

- A. Tình cảm, ý chí, lí trí.
-  B. Tự ý thức, tiềm thức, vô thức.
- C. Cảm giác, tri giác, biểu tượng.
- D. Khái niệm, phán đoán, suy luận.

Câu 21: Là một thành tố quan trọng của ý thức, những đây là ý thức về bản thân mình trong mối quan hệ với ý thức về thế giới bên ngoài được gọi là:

-  A. Tự ý thức.
- B. Tiềm thức.
- C. Vô thức.
- D. Siêu thức.

Câu 22: Là những hoạt động tâm lý tự động diễn ra bên ngoài sự kiểm soát của chủ thể, song lại có liên quan trực tiếp đến các hoạt động tâm lý đang diễn ra dưới sự kiểm soát của chủ thể ý, được gọi là:

- A. Tự ý thức.
- B. Tiềm thức.
-  C. Vô thức.
- D. Trực giác.

Câu 23: Triết gia nào quan niệm “mọi vật đều tồn tại và động thái lại không tồn tại, vì mọi vật đang trôi (mọi vật đều không ngừng thay đổi, mọi vật đều không ngừng phát sinh và tiêu vong)?

- A. Platon
- B. Sô-crát
-  C. Hê-ra-clít
- D. Pi-ta-go

Câu 24: Những triết gia nào được coi là khởi đầu và hoàn thiện phép biện chứng duy tâm trong triết học cổ điển Đức?

-  A. Cantơ và Hêghen
- B. Ăngghen và Cantơ
- C. Phoi-bach và Hêghen
- D. C.Mác và Ph.Ăngghen

Câu 25: Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin khác với chất so với các hình thức của phép biện chứng trước đó ở chỗ:

- A. Chứng minh được nguồn gốc và động lực của mọi sự phát triển của xã hội.
-  B. Không dùng lại 3 sự giải thích thế giới mà còn là công cụ để nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.
- C. Là công cụ khoa học nhất để nhận thức thế giới.

D. Là khoa học của các khoa học.

Câu 26: Khái niệm dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt, các yếu tố của một sự vật, hiện tượng trong thế giới là:

A. Nguyên nhân

B. Kết quả



C. Mối liên hệ

D. Chuyển hóa

Câu 27: Vận dụng qua điểm nào vào thực tiễn cách mạng, Đảng ta xác định: “đặt thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, một mặt, chúng ta phải phát huy nội lực của đất nước ta; mặt khác, phải biết tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức do xu hướng quốc tế hóa môi trường và toàn cầu hóa kinh tế đưa lại”?



A. Quan điểm toàn diện

B. Quan điểm lịch sử - cụ thể

C. Quan điểm phát triển

D. Quan điểm khách quan

Câu 28: Những khái niệm phản ánh một số thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định là:

A. Quy luật



B. Phạm trù

C. Nguyên lý

D. Cả a và b đúng

Câu 29: Phạm trù nào dùng để chỉ một sự vật, một hiện tượng, một quá trình nhất định?



A. Cái riêng.

B. Cái đơn nhất.

C. Cái chung.

D. Cả a và b đúng.

Câu 30: Tính chất nào của chân lý chỉ tính được lập với nội dung phản ánh của nó đối với ý chí chủ quan của con người; nội dung của tri thức phải phù hợp với thực tế khách quan chứ không phải ngược lại?



A. Tính khách quan.

B. Tính tương đối.

C. Tính tuyệt đối.

D. Tính cụ thể.

Câu 31: Quy luật nào được coi là hạt nhân của phép biện chứng duy vật?



A. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng đến độn sự thay đổi về chất và ngược lại.

C. Quy luật phủ định của phủ định.

D. Quy luật vật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Câu 32: Quy luật nào là quy luật về khuynh hướng cơ bản, phổ biến của mọi vận động, phát triển diễn ra trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy?

A. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập;

B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại;



C. Quy luật phủ định của phủ định.

D. Quy luật vật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Câu 33: Đây là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học, là một cuộc cách mạng thật sự trong học thuyết về xã hội, một trong những yếu tố chủ yếu của bước ngoặt cách mạng mà Mác và Ăngghen đã thực hiện trong triết học?

A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.



B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

C. Phép biện chứng duy vật.

D. Sự minh lịch sử của giai cấp công nhân.

Câu 34: Quy luật xã hội nào được coi là quy luật cơ bản tác động lên toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại?

A. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập;

B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại;

C. Quy luật phủ định của phủ định;



D. Quy luật vật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Câu 35: Điểm tư tưởng thích hợp vào chỗ trống: “Tính chất phủ thuộc của kiến trúc thượng tầng vào cơ sở hạ tầng có nguyên nhân từ đối với toàn bộ các lĩnh vực sinh hoạt của xã hội, dù đó là lĩnh vực thực tiễn chính trị, pháp luật hay lĩnh vực sinh hoạt tinh thần của xã hội”.



A. Tính tất yếu kinh tế

B. Tác động của kinh tế

C. Tác động của vật chất

D. Ảnh hưởng của kinh tế

Câu 36: Vì sao ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại hội?



A. Vì ý thức xã hội chỉ có thể biến đổi sau khi có sự biến đổi của tồn tại xã hội.

B. Vì ý thức xã hội có thể tác động trở lại tồn tại xã hội.

C. Vì ý thức xã hội là một hiện tượng khách quan.

D. Vì ý thức xã hội có sự báo thù trả trả trong quá trình tồn tại.

Câu 37: Con người hiểu ý thức xã hội có thể vượt trội hơn tồn tại xã hội như thế nào?



A. Tư tưởng của con người, đặc biệt những tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trội sự phát triển của tồn tại xã hội, để bảo đảm tồn tại lại và có tác động tích cực, chủ đạo hoạt động thực tiễn của con người

B. Tư tưởng con người có thể tạo ra động tồn tại xã hội vượt trội thời đại.

C. Tư tưởng của con người luôn đi trước thời đại.

D. Tư tưởng của con người trong một số trường hợp quyết định tồn tại xã hội,

Câu 38: Vấn đề quan trọng duy vật mác-xít về “tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội”, ta cần:

A. Giải thích các hiện tượng tinh thần của xã hội căn cứ vào tồn tại xã hội đã làm nảy sinh ra nó.

B. Giải thích các hiện tượng tinh thần xã hội từ những phương diện khác nhau thuộc nội dung tính độc lập tương đối của chúng.

C. Chỉ tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới cần phải được tiến hành đồng thời trên cả hai mặt tồn tại xã hội và ý thức xã hội.



D. Bao gồm a, b, c.

Câu 39: Khi nào quan hệ sản xuất là “ hình thức phát triển” của lực lượng sản xuất?

- A. Khi phương thức sản xuất chuẩn bị ra đời
- B. Khi phương thức sản xuất mới ra đời
-  C. Khi phương thức sản xuất đã được không định
- D. Khi phương thức sản xuất chuẩn bị tiêu vong

Câu 40: Phát minh nào được coi là hạt nhân của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhờ đó mà ta có một phương pháp luận thực sự khoa học trong nghiên cứu và lĩnh vực xã hội?

-  A. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội.
- B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- C. Phép biện chứng duy vật.
- D. Sơ minh lịch sử của giai cấp công nhân.

Câu 41: Vấn đề nào là vấn đề trung tâm và cơ bản của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội?

- A. Chính quyền nhà nước, quyền lực nhà nước.
- B. Kinh tế.
-  C. Chính trị.
- D. Văn hóa.

Câu 42: Khác với các kiểu nhà nước trước đó trong lịch sử, nhà nước chuyên chuyên chính vô sản là nhà nước kiểu mới, là:

- A. Nhà nước của toàn dân
-  B. Nhà nước không còn nguyên nghĩa đen của nó.
- C. Nhà nước không còn giai cấp.
- D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 43: Chủ nghĩa Mác-Lênin là: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Lý thuyết về xã hội của C.Mác, Ph.Ăngghen.
-  B. Hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và sự phát triển của V.I.Lênin.
- C. Hệ thống chủ thuyết chính trị của C.Mác và V.I.Lênin
- D. Học thuyết bản về kinh tế và bản chủ nghĩa.

Câu 44: Xét về lịch sử hình thành và giá trị to lớn thì chủ nghĩa Mác-Lênin là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa những giá trị to lớn của nhân loại và từng kết thúc tiên thời đại
- B. Thế giới quan, phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng
- C. Khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột và tiên tiến giải phóng con người.
-  D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 45: Trên lĩnh vực xã hội, hoạt động nào là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời chủ nghĩa Mác? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản
- B. Sự phát triển của các ngành khoa học xã hội
-  C. Thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân
- D. Bao gồm ba hoạt động trên

Câu 46: Tiềm đề lý luận cho sự ra đời chủ nghĩa Mác: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- ☒ A. Triết học cổ điển Đức; Kinh tế chính trị cổ điển Anh; Chủ nghĩa xã hội Không tôn giáo phê phán Pháp.
- B. Phong trào khai sáng Pháp; Cổ học cổ điển I.Niu-tơn; lý luận về chủ nghĩa vô chính phủ của Pru-đông.
- C. Thuyết tôn giáo đời (A.Anh-xtanh); Phân tâm học (S.Phơ-rớt); Logic học của Hê-ghen.
- D. Thuyết tiến hóa (S.Đác-uyn); Học thuyết báo toàn và chuyển hóa năng lượng (R. Maye); Học thuyết tế bào (R.Hooke. S-lay-đen và T.Sa-van-si).

Câu 47: Tiềm đề khoa học cho sự ra đời chủ nghĩa Mác: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Lý thuyết điện từ của M.Pha-ra-đây; Định luật tuân hoàn các nguyên tử hóa học của Men-đê-lê-ép; Di truyền học hiện đại của Men-đen.
- B. Cổ học cổ điển của I.Niu-ton; Thuyết tôn giáo đời của A.Anh-xtanh; học thuyết về tinh vân vũ trụ của I.Kan-tơ
- C. Hình học phi -clit; mô hình nguyên tử của Tô-m-xơn; thuyết tôn giáo đời của A.Anh-xtanh.
- ☒ D. Thuyết tiến hóa của S.Đác-uyn; Học thuyết báo toàn và chuyển hóa năng lượng; Học thuyết tế bào (R.Hooke.S-lay-đen và T.Sa-van-si).

Câu 48: Đức điếm cổ bản của chủ nghĩa Mác giai đoạn 1842 – 1844: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Kịch triết học Hê-ghen.
- B. Phê phán các thành tựu triết học của nhân loại.
- ☒ C. Sự chuyển biến về tư tưởng từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và cộng sản chủ nghĩa.
- D. Phê phán tôn giáo.

Câu 49: Nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen ở giai đoạn 1844 – 1848: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Tiếp tục hoàn thành các tác phẩm triết học nhằm phê phán tôn giáo.
- ☒ B. Hình thành những nguyên lý triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và chủ nghĩa xã hội khoa học.
- C. Nghiên cứu vai trò của hoạt động thực tiễn đời với nhận thức.
- D. Hoàn thành bộ “Tư Bản”.

Câu 50: Tác phẩm nào được xem là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa Mác? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844.
- ☒ B. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.
- C. Hết tư tưởng Đức.
- D. Gia đình thần thánh.

Câu 51: Tác phẩm là quan trọng và điển hình nhất của chủ nghĩa Mác trong giai đoạn 1848 – 1895? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Chặng Duy-rinh
- B. Biện chứng của tự nhiên
- ☒ C. Bộ Tư bản
- D. Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước

Câu 52: Trong giai đoạn từ năm 1876 đến năm 1878, tác phẩm nào của Ph.Ăngghen đã chỉ ra mối liên hệ hữu cơ giữa ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- ☒ A. Chặng duy-rinh
- B. Biện chứng của tự nhiên

- C. Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tở hữu và của nhà nước
- D. Lút-vích Phoi-ơ-béc và sự cáo chung của triết học cũ điển Đức

Câu 53: Khi bàn về vai trò của triết học trong đời sống, C.Mác đã có một phát biểu một luận điểm rất sâu sắc, cho thấy sự khác biệt về chức năng của triết học của Ông với các trào lưu triết học trước đó, nguyên văn của phát biểu đó là gì? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Phương pháp biện chứng của tôi không những khác phương pháp của Hê-ghe-nen và cũ hơn mà còn đời hơn với phương pháp của ông
- B. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân



- C. Các nhà triết học đã chỉ ra sự khác biệt về cách tiếp cận của họ về thế giới
- D. Bản chất của con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội

Câu 54: Đức điếm chính trị của thế giới những năm cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Toàn cầu hoá.
- B. Chủ nghĩa đế quốc chuyển thành chủ nghĩa đế quốc và thế giới tuyên hành những cuộc chiến tranh giành thuộc địa.
- C. CNTB tiếp tục cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II để phân chia thế giới.
- D. Ba đáp án trên đều sai.

Câu 55: Những công hiến của V.I.Lênin đối với triết học Mác - Ăngghen? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Phê phán, khắc phục và chỉnh sửa những quan điểm sai lầm xuất hiện trong thời đại đế quốc chủ nghĩa như: chủ nghĩa xét lại chủ nghĩa Mác; chủ nghĩa duy tâm vật lý học, bệnh duy trí tuệ khuynh trong triết học, chủ nghĩa giáo điều...
- B. Hiện thực hóa lý luận chủ nghĩa Mác bằng sự thống nhất của Cách mạng tháng 10 Nga.
- C. Bổ sung và hoàn chỉnh về mặt lý luận và thực tiễn những vấn đề như lý luận về cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, lý luận về nhà nước chuyên chính vô sản, chính sách kinh tế mới...



- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 56: V. I. Lênin đã đưa ra định nghĩa khoa học về phạm trù vật chất trong tác phẩm nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.
- B. Thế nào là người bình dân
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- D. Cả ba tác phẩm trên

Câu 57: Luận điểm của Lênin về khả năng thống nhất của CNXH bất kể số nước, thậm chí một nước riêng rẽ được rút ra từ sự phân tích quy luật nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Quy luật về kinh tế thế giới XHCN.
- B. Quy luật về sự phát triển không đồng đều của các nước trên thế giới
- C. Quy luật về cạnh tranh quốc tế
- D. Cả ba đáp án trên



Câu 58: V.I. Lênin đã đưa ra quan điểm về việc xây dựng nền kinh tế thế giới trong thời kỳ quá độ lên CNXH trong lý luận nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp
- B. Chính sách kinh tế mới NEP
- C. Lý thuyết về sự phân kỳ trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
- D. Học thuyết về nhà nước và cách mạng.



Câu 59: Người Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc ta từ việc tìm hiểu tác phẩm nào của V.I.Lênin? (Đáp án

nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Bàn về quyền dân tộc tự quyết
- B. Làm gì?
-  C. Bàn sơ thảo lần thứ nhất về những vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- D. Chỉ nghĩa đế quốc giai đoạn đầu cùng của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 60: Sơ kiện xã hội nào lần đầu tiên đã chứng minh tính hiện thực của chủ nghĩa Mác - Lênin trong lịch sử? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Tháng Mười Nga năm 1917.
- B. Công xã Pa-ri
- C. Cách mạng tháng tám 1945 ở Việt Nam.
- D. Chiến tranh thế giới lần thứ II.

Câu 61: Từ những năm 90 của thế kỷ XX, hệ thống xã hội chủ nghĩa bị khủng hoảng và rơi vào giai đoạn thoái trào. Tuy nhiên, ở hiện nay tổ chức xã hội chủ nghĩa vẫn tồn tại trên phạm vi toàn cầu; quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội vẫn được không định ở nhiều quốc gia và chi hữu hướng đi theo con đường xã hội chủ nghĩa vẫn lan rộng ở đâu? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Một số nước khu vực Mỹ La tinh.
- B. Các nước SNG
- C. Các nước Bắc Âu
- D. Các nước ASEAN.

Câu 62: Mục đích Học tập nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin ở nước ta hiện nay: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng sáng tạo những nguyên lý đó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
- B. Giúp sinh viên hiểu rõ nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản VN.
- C. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cho sinh viên
-  D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 63: Những yêu cầu Học tập nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin ? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Cần phải theo nguyên tắc thông xuyên gần kết những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin với thực tiễn của đất nước và thời đại.
- B. Học tập nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin cần phải hiểu đúng tinh thần, thực chất của nó, tránh bệnh kinh viện, giáo điều trong quá trình học tập, nghiên cứu và vận dụng các nguyên lý cơ bản đó trong thực tiễn.
- C. Học tập nghiên cứu mọi nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong mối quan hệ với các nguyên lý khác, mọi bộ phận cấu thành trong mối quan hệ với các bộ phận cấu thành khác để thấy sự thống nhất phong phú và nhất quán của chủ nghĩa Mác – Lênin đồng thời cũng cần nhận thức các nguyên lý đó trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.
-  D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 64: Quan điểm của CNDV về một thế giới của vấn đề cơ bản của triết học? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức.
- B. Ý thức có trước, sinh ra và quyết định vật chất.
- C. Không thể xác định vật chất và ý thức cái nào có trước cái nào, cái nào sinh ra cái nào và quyết định cái nào.
- D. Vật chất và ý thức cùng xuất hiện đồng thời và có sự tác động qua lại ngang nhau.

Câu 65: Quan điểm của CNDV về một thế giới của vấn đề cơ bản của triết học? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Cuộc sống con người sẽ đi về đâu?

B. Con người có khả năng nhận thức được thế giới không?



C. Con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 66: Với thực chất, chủ nghĩa nhân nguyên triết học có cùng bản chất với hệ thống triết lý nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Chủ nghĩa duy tâm

B. Chủ nghĩa xét lại triết học.

C. Chủ nghĩa hoài nghi

D. Chủ nghĩa tống đả.

Câu 67: Nguồn gốc ra đời của CNDT? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Sự tuyt đả hóa vai trò của ý thức.

B. Xem xét phiến diện, tuyt đả hóa, thần thánh hóa một mặt, một đức tính nào đó của quá trình nhận thức mang tính biện chứng của con người.

C. Tuyt đả hóa vai trò của lao động trí óc và của giai cấp thống trị.



D. Do cả ba nguyên nhân trên.

Câu 68: Trong lịch sử, chủ nghĩa duy tâm có hình thức cụ thể nào?

A. Chủ nghĩa hoài nghi và tuyt đả kh trị



B. Chủ nghĩa tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan.

C. Chủ nghĩa duy linh và thần học.

D. Chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa thực dng.

Câu 69: Sự khng định: mọi sự vật, hiện tượng chỉ là "phức hợp những cảm giác" của cá nhân là quan điểm của trường phái triết học nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

B. Chủ nghĩa duy lý trí

C. Chủ nghĩa duy vật duy cảm

D. Cả ba đáp án trên

Câu 70: A-ri-ôt là đả diện của trường phái triết học nào ở phương tây thời cổ đả? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Chủ nghĩa nhân nguyên triết học

B. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

D. Chủ nghĩa duy vật

Câu 71: Khuynh hướng triết học nào mà sự tồn tại, phát triển của nó có nguồn gốc từ sự phát triển của khoa học và thực tiễn, đồng thời thống nhất với lợi ích của giai cấp và lực lượng tiến bộ trong lịch sử, và ảnh hưởng cho các lực lượng xã hội tiến bộ hoạt động trên nền tảng của những thành tựu ấy?



A. Chủ nghĩa duy vật.

B. Chủ nghĩa thực chứng.

C. chủ nghĩa duy lý trí.

D. Chủ nghĩa duy tâm vật lý học.

Câu 72: Vai trò của CNDVBC ?



- A. Đã cung cấp công cụ vĩ đại cho hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn cách mạng.
- B. Sáng tạo ra một khuynh hướng triết học.
- C. Đấu tranh chống thần học.
- D. Tạo nên tiếng tăm cho C.Mác

Câu 73: Theo giới như một cỗ máy có giới không là mà mỗi bộ phận tạo nên nó luôn ở trong trạng thái bất ổn, tĩnh tại; nếu có biến đổi thì đó chỉ là sự tăng, giảm dần dần và do những nguyên nhân bên ngoài gây nên, là quan niệm của khuynh hướng triết học nào?

- A. Chủ nghĩa duy vật duy lý.
- B. Chủ nghĩa duy vật duy cảm
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng



- D. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 74: Từ tiếng nào dưới đây được xem là đỉnh cao về triết học duy vật ở Hy Lạp thời cổ đại? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Quan điểm cho rằng “con người là thước đo của vạn vật ” của Protagoras



- B. Thuyết nguyên tử của Democritus.

- C. Logic học của Aristoteles.
- D. Học thuyết về tôn tại của Ptolemy.

Câu 75: Tại sao ở Tây Âu thời cổ đại, triết học duy vật lại phát triển mạnh mẽ? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Khoa học tự nhiên phát triển mạnh mẽ
- B. Do ảnh hưởng của khuynh hướng chống lại chủ nghĩa kinh viện của thần học thiên chúa giáo
- C. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành và phát triển.



- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 76: Đỉnh cao của quan niệm duy vật cổ đại về phạm trù vật chất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Là của Hê-raclit
- B. Không khí của Anaximenes
- C. Âm dương – ngũ hành của Âm dương gia.



- D. Nguyên tử của Democritus

Câu 77: Quan niệm về phạm trù vật chất của các trào lưu triết học duy vật thời cổ đại có được điểm gì? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Đồng nhất vật chất với giới tự nhiên
- B. Đồng nhất vật chất với những sự vật cụ thể
- C. Đồng nhất vật chất với vận động



- D. Đồng nghĩa vật chất với các sự vật hiện tượng cụ thể của thế giới khách quan

Câu 78: Đồng nhất vật chất với các sự vật hiện tượng cụ thể. Hơn nữa đó tất yếu dẫn đến quan điểm duy vật naïve với, không triết học: khi giới quy định những vận động tự nhiên, các nhà duy vật đứng trên quan điểm duy vật, nhưng khi giới quy định những vận động xã hội họ đã “trượt” sang quan điểm duy tâm. Đó là nhận xét về trường phái triết học nào?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa hoài nghi.

-  C. Cho nghĩa duy vật siêu hình
- D. Cho nghĩa thông đoi.

Câu 79: Sai lầm của cho nghĩa duy tâm nói chung và phạm trù vật chất? (Đáp án nào dđi đây là đúng nhất?)

- A. Xem vật chất là sản phẩm của tinh thần tuyt đoi; ý niệm tuyt đoi;...
- B. Xem vật chất là sản phẩm của ý thức chủ quan, của các trạng thái tâm lý, tình cảm...
- C. Xem vật chất là kết quả của các giá trị tinh thần.

-  D. Cả ba quan niệm trên.

Câu 80: Lênin đưa ra định nghĩa về vật chất : “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chủ thể tđi khách quan đđc đem đoi cho con người trong ... , đđc ... của chúng ta chép đoi, chủ p đoi, phản ánh và tđn đoi không lđ thuđc vào ...”. Hãy chọn tđ đđn vào chủ trống đoi hoàn thiện nội dung của định nghĩa nêu trên:

- A. Ý thức

-  B. Cảm giác

- C. Nhận thức

- D. Tđ thông

Câu 81: Nội dung phạm trù vật chất theo định nghĩa của V. I. Lênin:

- A. Vật chất là cái tđn đoi có thể một cách khách quan bên ngoài ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người.
- B. Vật chất là cái gây nên cảm giác đ con người khi tác đđng trực tiếp hoặc gián tiếp lên giác quan của con người.
- C. Cảm giác, tđ duy, ý thức chủ là sản phẩm phản ánh của thế giới vật chất.

-  D. Cả ba nội dung trên.

Câu 82: Ý nghĩa định nghĩa vật chất của V. I. Lênin: (Đáp án nào dđi đây là đúng nhất?)

- A. Khắc phục những sai lầm, thiđu sót trong các quan đđm siêu hình, máy móc về phạm trù vật chất của các trường phái triết học duy vật cũ; phê phán những quan niệm sai lầm, phản khoa học của các trường phái triết học duy tâm nói chung. bđo về, củng cố và phát triđt triết học Mác trong đđi kiện lịch sử mới.

- B. Định hướng cho sản phẩm phát triđn của khoa học: vật chất là vô cùng tđn, không sinh ra và không mất đđ.

- C. Cho phép xác định cái gì là vật chất trong lĩnh vực xã hội, là cơ sở lý luận để giải thích nguyên nhân cuối cùng của các vđn đđ xã hội.

-  D. Cả ba ý nghĩa trên.

Câu 83: Theo quan đđm của triết học Mác-Lênin, các đđng cơ thể của vật chất biểu hiện sản tđn đoi của mình ở đâu và thông qua gì? (Đáp án nào dđi đây là đúng nhất?)

- A. Các đđng cơ thể của vật chất tđn đoi ở mọi nơi và thông qua sản phẩm nhận thức của con người

- B. Các đđng cơ thể của vật chất tđn đoi trong vũ trụ và tđn đoi thông qua lđc trong tự nhiên

-  C. Các đđng cơ thể của vật chất tđn đoi trong không gian và thời gian và thông qua sản phẩm đđng mà biểu hiện sản tđn đoi của mình.

- D. Vật chất chủ là phạm trù triết học

Câu 84: Tính chất của vđn đđng theo quan đđm của triết học Mác-Lênin? (Đáp án nào dđi đây là đúng nhất?)

-  A. Vđn đđng là sản phẩm thân vđn đđng. Vđn đđng không thể bị mất đđ và cũng không do ai sáng tạo ra. Sản phẩm đđng của vật chất đđc bđo toàn về lđng lđn về chất.

- B. Vđn đđng là sản phẩm đđi do một tác đđng nào đó. Khi không còn tác đđng sản phẩm vđn đđng cũng chđm đđt.

- C. Là sản phẩm chuyển vị trí trong không gian và thời gian do một lđc hoặc một đđng năng tác đđng, sản phẩm vđn đđng bao giờ cũng có vđn đđc và giá trị.

- D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 85: Hình thức nào là hình thức vận động đa dạng, phức tạp nhất trong thế giới vật chất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Xã hội.
- B. Các phân ngành hạt nhân.
- C. Sự tiến hóa các loài.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 86: Luận điểm nào dưới đây là sai lầm khi nói về mối quan hệ giữa các hình thức vận động? (Đáp án nào dưới đây là sai)

- A. Các hình thức vận động là khác nhau về chất.
- B. Các hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở các hình thức vận động thấp và bao hàm trong nó những hình thức vận động thấp hơn. Các hình thức vận động thấp không bao hàm các hình thức vận động cao hơn.
- C. Trong số tồn tại của mình, mỗi sự vật đều có thể gắn liền với nhiều hình thức vận động khác nhau nhưng bao giờ cũng có một hình thức đặc trưng cho bản chất của mình



- D. Các hình thức vận động là được lập nhau, tuân theo những qui luật riêng có của mình

Câu 87: Bằng việc phân loại các hình thức vận động cơ bản, Ph. Ăngghen đã đặt cơ sở gì cho khoa học?



- A. Việc phân loại, phân ngành, hợp loại, hợp ngành khoa học.
- B. Xác định tính chất của các ngành khoa học.
- C. Xác định mục đích của khoa học
- D. Xác định ý nghĩa xã hội của khoa học.

Câu 88: Từ tổng hợp sự thống nhất những khác nhau về chất của các hình thức vận động cơ bản còn là cơ sở để chứng minh khuynh hướng gì trong tư duy triết học và khoa học?

- A. Khuynh hướng thống nhất trong khoa học



- B. Đánh động các hình thức vận động hoặc quy hình thức vận động này vào hình thức vận động khác trong quá trình nhận thức.
- C. Khuynh hướng thần bí - tôn giáo trong triết học
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 89: Mọi động cơ thế của vật chất đều tồn tại ở một vị trí nhất định, có một quãng tính (chiều cao, chiều rộng, chiều dài) nhất định và tồn tại trong các mối tương quan nhất định (trước hay sau, trên hay dưới, bên phải hay bên trái, v.v...) với những động vật chất khác. Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là gì?

- A. Mối liên hệ



- B. Không gian.
- C. Thời gian
- D. Vận động

Câu 90: Sự tồn tại của sự vật còn được thể hiện ở quá trình biến đổi: nhanh hay chậm, kết tiếp và chuyển hoá, v.v... Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là gì?



- A. Thời gian.
- B. Không gian
- C. Quãng tính
- D. Vận động

Câu 91: Theo Ph.Ăngghen tính thống nhất thực sự của thế giới là:



- A. Tính vật chất;

- B. Số tiền tiền tệ trong tự nhiên và cộng xã hội;
- C. Tính khách quan;
- D. Tính hiện thực.

Câu 92: Theo Đơ-mô-crit thì ý thức con người có cấu tạo từ yếu tố nào?(Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Tự nhiên.
- B. Nguyên tố.
-  C. Một loại nguyên tố đặc biệt.
- D. Một loại lửa đặc biệt.

Câu 93: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, ý thức là thuộc tính của dạng vật chất nào?

- A. Dạng vật chất đầu tiên của vật chất do tạo hóa ban tặng cho con người.
- B. Tất cả các dạng tồn tại vật chất.
-  C. Dạng vật chất có tổ chức cao đó là bộ não người.
- D. Dạng vật chất vô hình không xác định.

Câu 94: Đây là số phản ánh có tính chủ động của chủ thể thông tin, xử lý thông tin để tạo ra những thông tin mới, phát hiện ý nghĩa của thông tin. Số phản ánh năng động, sáng tạo này được gọi là?

- A. Khoa học.
-  B. Ý thức.
- C. Lý tính.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 95: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, số đối lập giữa vật chất và ý thức chủ có ý nghĩa quyết định trong phạm vi nào?

- A. Xã hội.
-  B. Lý luận.
- C. Đấu tranh tôn giáo.
- D. Kinh tế.

Câu 96: Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc xã hội của ý thức: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Lao động tạo ra ngôn ngữ, ngôn ngữ tạo ra ý thức.
-  B. Lao động, cùng với lao động là ngôn ngữ là hai sức kích thích chủ yếu hình thành nên ý thức con người.
- C. Lao động tạo ra ý thức của lao động, ngôn ngữ tạo ra ý thức có ngôn ngữ.
- D. Lao động tạo ra kinh nghiệm, ngôn ngữ tạo ra tư duy.

Câu 97: Ngôn ngữ xuất hiện nhằm giải quyết nhu cầu gì cho con người trong quá trình lao động mang tính xã hội của họ?

- A. Trao đổi thông tin.
- B. Di truyền từ thế hệ, suy nghĩ.
- C. Lưu trữ tri thức.
-  D. Cả ba đáp án trên.

Câu 98: Nguồn gốc xã hội trực tiếp quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là gì?

- A. Thực nghiệm khoa học.

- B. Thờ giỗ khách quan, có chủ phần ánh và hoạt động của hình thức kinh trung ương của con người sống.
-  C. Lao động và ngôn ngữ.
- D. Giáo dục con người.

Câu 99: Quan điểm của triết học Mác-Lênin về bản chất của ý thức: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Bản chất của ý thức con người là sự sáng tạo.
-  B. Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo đối hiện thực theo nhu cầu của thực tiễn xã hội.
- C. Ý thức mang bản chất trực giác.
- D. Ý thức có bản chất là duy.

Câu 100: Tác nhân nào khiến cho sự phản ánh ý thức có tính phức tạp, năng động và sáng tạo? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự tò mò.
- B. Sự tưởng tượng.
-  C. Thực tiễn xã hội.
- D. Sự giao tiếp.

Câu 101: Biểu hiện của tính năng động và sáng tạo của ý thức con người ở giai đoạn tiếp nhận thông tin:

-  A. Chọn lọc thông tin thích ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.
- B. Xử lý thông tin.
- C. Dự đoán các thông tin tiềm ẩn trong vô hạn thông tin của thế giới hiện thực khác quan.
- D. Cả ba biểu hiện trên.

Câu 102: Biểu hiện của tính năng động và sáng tạo của ý thức con người ở giai đoạn xử lý thông tin:

- A. Dự đoán các thông tin tiềm ẩn trong vô hạn thông tin của thế giới hiện thực khác quan.
-  B. Mô hình hóa đối tượng và mã hóa thông tin để xử lý thông tin được tiếp nhận.
- C. Dựa trên những chương trình có sẵn để xử lý thông tin.
- D. Áp dụng kiến thức khuôn mẫu để xử lý thông tin.

Câu 103: 61. Biểu hiện của tính năng động và sáng tạo của ý thức con người ở giai đoạn vận dụng lý luận vào thực tiễn:

- A. Tùy theo nhu cầu của hiện thực, sự động kiến thức vào xử lý để mô tả hiện thực.
- B. Phát minh ra những quy luật những học thuyết mới.
-  C. Tùy theo nhu cầu của cuộc sống hiện thực, thiết lập các kế hoạch, dự án,... để tạo ra những sản phẩm vật chất hoặc tinh thần phục vụ cho sự tồn tại và phát triển của con người.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 104: Trong các giai đoạn của quá trình ý thức, thì giai đoạn nào thể hiện đầy đủ và rõ nét nhất năng lực sáng tạo của con người?

- A. Tiếp nhận thông tin
- B. Xử lý thông tin.
-  C. Vận dụng lý luận vào thực tiễn.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 105: Nếu tiếp cận kết cấu của ý thức theo các yếu tố cơ bản hợp thành, thì ý thức bao gồm những yếu tố nào?

- A. Tri thức, tình cảm và ý chí.



- B. T ý thức, tiềm thức, vô thức.
- C. Lý tính, tâm linh, trực giác
- D. Tò mò, t ng t ng, suy lý.

Câu 106: Điền vào ch trống (.....) c m t thích h p:

“Tri thức là là kết qu c a con ng i v th gi i hi n thức, làm tái hi n nh ng thu c tính, nh ng qui luật c a th gi i y và di n đ t chúng đ i nh ng hình thức ngôn ng hoặc h th ng ký hi u khác”

- A. S trực giác.



- B. Quá trình nh n thức.
- C. Quá trình lao đ ng.
- D. S c m giác.

Câu 107: Phát bi u nào đ i đây là m t tri thức?

- A. Lá r ng v c i.
- B. Trái đ t là m t hành tinh.
- C. Chi n tranh là ph ng ti n đ t đ n hòa bình.
- D. Tr i sinh voi thì tr i sinh c .



Câu 108: Quan đ i m c a tri t h c Mác-Lênin v vai trò c a ti m thức? (Đáp án nào đ i đây là đúng nh t?)



- A. Gi m s quá t i c a đ u óc, v m t xã h i nó có vai trò r t quan tr ng trong vi c giáo d c tri thức và đ o đ c
- B. Có th đ đoán đ c nh ng thông tin tri thức đ d ng ti m tàng
- C. Gi m s quá t i c a suy nghĩ, có ti m thức ta có th không c n suy nghĩ cũng có th bi t đ c nh iu tri thức m i
- D. Ti m thức có th t o ra nh ng c m có kh năng tr thành hi n thức

Câu 109: Ý thức có th tác đ ng đ i v i đ i s ng thông qua ho t đ ng nào c a con ng i?

- A. S n xu t v t ch t
- B. Chính tr xã h i
- C. Th c nghi m khoa h c



- D. Bao g m ba đáp án trên

Câu 110: Trìn đ nào c a ý thức, t t ng có th giúp con ng i ho t đ ng đúng và thành công?

- A. Giác ng lý t ng



- B. Lý lu n khoa h c
- C. Siêu lý tính
- D. Bao g m ba đáp án trên

Câu 111: Khái ni m nào dùng đ ch nh ng m i liên h , t ng tác, chuy n hóa và v n đ ng, phát tri n theo quy luật c a các s v t, hi n t ng, quá trình trong gi i t nhiên, xã h i và t duy?



- A. Bi n ch ng
- B. M i liên h
- C. V n đ ng
- D. Duy v t

Câu 112: Phép biện chứng là?

A. Học thuyết nghiên cứu, khái quát thành giới nhằm xây dựng hệ thống các nguyên tắc phương pháp luận của nhận thức và thực tiễn.



B. Học thuyết nghiên cứu, khái quát biện chứng của thế giới thành hệ thống các nguyên lý, quy luật khoa học nhằm xây dựng hệ thống các nguyên tắc phương pháp luận của nhận thức và thực tiễn.

C. Học thuyết nghiên cứu, khái quát sự tồn tại của thế giới thành hệ thống các nguyên lý, quy luật khoa học.

D. Học thuyết nghiên cứu, khái quát biện chứng trong phạm vi cuộc sống chính trị xã hội thành hệ thống các nguyên lý, quy luật khoa học nhằm nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Câu 113: Phép biện chứng xem xét các sự vật hiện tượng trong thế giới có quan hệ với nhau như thế nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Có mối liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó chúng vận động, biến đổi và phát triển không ngừng do những nguyên nhân từ thân tuân theo những quy luật tất yếu khách quan.

B. Tồn tại cô lập, tĩnh tại không vận động và phát triển, hoặc nếu có vận động thì chỉ là sự dịch chuyển vị trí trong không gian và thời gian do những nguyên nhân bên ngoài.

C. Kết quả sáng tạo của một thế lực siêu tự nhiên thần bí. Do đó mọi sự tồn tại và biến đổi của chúng là do những tác động từ những nguyên nhân thần bí trên.

D. Là những gì bí ẩn, ngẫu nhiên, hên đần, không tuân theo một quy luật nào, và con người không thể nào biết được mọi sự tồn tại và vận động của chúng.

Câu 114: Hình thức nào dưới đây được xem là đỉnh cao của phép biện chứng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Phép biện chứng thời cổ đại,

B. Thuyết ngày biến trong thời kỳ trung cổ.



C. Phép biện chứng duy vật Mác - Lênin.

D. Lô gic học của A-ri-xtô.

Câu 115: Tội duy siêu hình phát triển mạnh mẽ ở giai đoạn nào của lịch sử văn minh nhân loại? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Thời nguyên thủy.

B. Thời cổ đại.



C. Thời cận đại.

D. Thời hiện đại.

Câu 116: Quan niệm nào dưới đây là theo tội duy biện chứng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa.



B. Tre già măng mọc

C. Hết hòa bình lại đến chiến tranh, hết chiến tranh lại đến hòa bình

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 117: Người sáng lập tội tượng biện chứng trong triết học ở Hy Lạp thời cổ đại: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Pla-ton.

B. A-ri-stô.



C. Hê-ra-clít.

D. Ê-pi-quya.

Câu 118: Được điếm của phép biện chứng thời cổ đại? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Thế giới nhận sự vận động nhưng không giới thích thích được nguyên nhân của sự vận động và phát triển của thế giới vật chất.

B. Mô tả sự vận động một cách máy móc.

- C. Xem số vận động là một quá trình ngẫu nhiên.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 119: Sai lầm cơ bản của phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Xem số vận động của thế giới là kết quả của số vận động của tinh thần.
- B. Thế giới là ngẫu nhiên khi mà quá trình vận động và phát triển của thế giới.
- C. Phép biện chứng là nghệ thuật tranh luận, biện luận và chứng minh.
- D. Là khoa học về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển của thế giới khách quan.

Câu 120: Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến theo quan điểm của triết học Mác-Lênin? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Là sự qui định, sự tác động và sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng, hay giữa các mặt của một sự vật một hiện tượng trong thế giới khách quan.
- B. Là những thuật ngữ do con người đặt ra nhằm liên hệ các sự vật hiện tượng trong thế giới với nhau.
- C. Cả a và b đều đúng.
- D. Bao gồm cả ba quan điểm trên.

Câu 121: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin thì cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng là: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Do sự qui định của con người nhằm để mô tả những sự gần kết của các sự vật hiện tượng.



- B. Tính thống nhất vật chất của thế giới.
- C. Sự phản ánh của thế giới vật chất.
- D. Không gian và thời gian.

Câu 122: Theo quan điểm của triết học Mác- Lênin, mối liên hệ chủ yếu là gì?

- A. Mối liên hệ xuyên suốt quá trình vận động của sự vật hiện tượng.
-  B. Mối liên hệ cơ bản nhưng chỉ trong những phạm vi không gian thời gian, điều kiện môi trường nhất định.
- C. Mối liên hệ tất yếu khách quan.
- D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 123: Mối liên hệ chủ yếu giữa nước ta với các nước khác trong WTO là?



- A. Kinh tế.
- B. Chính trị-xã hội.
- C. Văn hóa.
- D. Bảo vệ môi trường.

Câu 124: Trong quá trình học tập, liên hệ giữa sinh viên với tri thức khoa học là loại liên hệ gì?



- A. Bên trong và cơ bản
- B. Tất nhiên, khách quan.
- C. Chủ quan, ngẫu nhiên.
- D. Nhân quả.

Câu 125: Nguyên tắc nào được rút ra từ việc tìm hiểu nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của triết học Mác-Lênin là: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Nguyên tắc đấu tranh.



- B. Quan điểm toàn diện.
- C. Nguyên tắc khách quan.
- D. Bao gồm đáp án b và c.

Câu 126: Quan điểm duy tâm và mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Là sự qui định, sự tác động và sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng, hay giữa các mặt của một sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan.
- B. Các sự của sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng là ý thức tuyt đối, tính tồn tại tuyt đối nào đó. Các sự của sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng là ý chí, cảm giác chủ quan của cá nhân nào đó.
- C. Các sự của sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng là thế năng đối.
- D. Bao gồm a, b, c.

Câu 127: Nguyên lý về sự phát triển theo quan điểm của triết học Mác-Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Phát triển là một trình tự hợp thức biến đổi của sự vận động. Là một quá trình vận động biến đổi từ chất cũ sang chất mới. Là kết quả của một quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập bên trong các sự vật hiện tượng của thế giới hiện thực khách quan.
- B. Phát triển là một quá trình tiến lên liên tục trên trục, không có những bước quanh co phức tạp không có mâu thuẫn.
- C. Do sự tác động của những thế lực siêu tự nhiên thần bí tôn giáo hoặc của ý thức nói chung.
- D. Bao gồm cả ba quan điểm trên.

Câu 128: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, sự khác biệt căn bản giữa sự vận động và sự phát triển là?



- A. Sự vận động và sự phát triển là hai quá trình độc lập tách rời nhau.
- B. Sự phát triển là một trình tự hợp thức biến đổi của vận động, là một giai đoạn của sự vận động, sự phát triển là sự vận động tiến lên.
- C. Sự vận động là nội dung, sự phát triển là hình thức.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 129: Bài học có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng nhất trong việc tìm hiểu nguyên lý về sự phát triển của triết học Mác-Lênin là: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Nguyên tắc nghiên cứu có trọng tâm.
- B. Quan điểm toàn diện.
- C. Quan điểm phát triển.
- D. Nguyên tắc khách quan.

Câu 130: Ví dụ nào dưới đây minh họa cho nguyên lý về sự phát triển?



- A. Sông trôi nhanh xuống hạ lưu sau cơn mưa.
- B. Hết đêm trời lại sáng.
- C. Hết cơn bão rồi trời lại thái lai.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 131: Về cơ bản, giữa công nhân, kẻ bóc lột, nông dân, nhà văn, giáo viên có điểm gì chung?



- A. Nghề nghiệp.
- B. Sự lao động.
- C. Là công dân.
- D. Là trí thức.

Câu 132: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin thì khi nào cái chung chuyển hóa thành cái riêng nhất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

đây là đúng nhất?)

- A. Khi cái chung bị thoái hóa dần dần.
- B. Khi cái chung phù hợp với sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng.
-  C. Khi cái chung không phù hợp với sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng.
- D. Khi cái chung có những đột biến.

Câu 133: Quan hệ nào dưới đây có thể minh họa cho sự tác động trở lại của kết quả đối với nguyên nhân? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sấm sét - mưa.
-  B. Kinh tế – giáo dục.
- C. Năng – hèn.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 134: Nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến sự khốn cùng của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa TBCN?

- A. Giá cả hàng hoá sinh hoạt quá đắt đỏ
- B. Sự hà khắc của nhà nước tư bản
-  C. Sự bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp tư sản
- D. Điều kiện sống quá thấp.

Câu 135: Điền vào chỗ trống (.....) cụm từ thích hợp:

“Tự nhiên là cái do những bên trong của kết cấu vật chất nhất định và trong những điều kiện nhất định nó phải xảy ra như thế này chứ không thể như thế khác được” (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Yêu tố cơ bản.
- B. Nhân tố cơ bản.
-  C. Nguyên nhân cơ bản.
- D. Điều kiện cơ bản.

Câu 136: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, muốn nhận thức được cái tự nhiên ta phải làm thế nào?

- A. Nhận thức thế giới khách quan
-  B. Nhận thức thông qua hàng loạt cái ngẫu nhiên
- C. Học tập lý luận khoa học
- D. Kết quả các quan điểm của những nhà khoa học tiến bộ.

Câu 137: Ví dụ nào dưới đây là sự ngẫu nhiên. (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Trời nắng tốt mùa, trời mưa tốt lúa.
- B. Vật chất luôn gắn liền với vận động.
- C. Ở đâu có áp bức ở đó có đấu tranh.
-  D. Trường lớp thì trò ngoan.

Câu 138: Định nghĩa phạm trù nội dung theo quan điểm của triết học Mác-Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật
- B. Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tất yếu đối nên định bên trong sự vật, qui định sự vận động và phát triển của sự vật
- C. Phạm trù triết học dùng để chỉ tính qui định khách quan vốn có, là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính là cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác

D. Phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tổng hợp bên trong giữa các yếu tố của sự vật đó

Câu 139: Trong một phương thức sản xuất thì yếu tố nào được xem là hình thức của lực lượng sản xuất?

A. Nghề nghiệp

B. Cơ sở hạ tầng

C. Kết cấu hạ tầng



D. Quan hệ sản xuất

Câu 140: Phê phán nào dùng để chỉ tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tổng hợp ổn định bên trong sự vật, qui định sự vận động và phát triển của sự vật? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Thống nhất



B. Bên chất.

C. Nội dung.

D. Chất.

Câu 141: Xét về mặt bên chất thì chủ nghĩa tư bản là một hình thái kinh tế-xã hội như thế nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Có nền khoa học công nghệ phát triển.



B. Có quan hệ sản xuất dựa trên chủ đề chiếm hữu tư nhân TBCN và tư liệu sản xuất.

C. Có sự phân hóa giai cấp thành hai giai cấp thống trị và bị trị.

D. Có nền sản xuất hàng hóa, theo chủ đề thị trường.

Câu 142: Theo triết học Mác-Lênin phê phán nào dùng để chỉ những gì chưa có, những sự có, sự tồn tại khi có các điều kiện tổng hợp? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Chủ hội



B. Khả năng

C. Tiềm năng

D. Tổng hợp

Câu 143: Quy luật nào vạch ra phương thức của sự vận động, phát triển?

A. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập;



B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng đến đến sự thay đổi về chất và ngược lại;

C. Quy luật phủ định của phủ định;

D. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Câu 144: Phê phán chủ thể theo quan điểm của triết học Mác-Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo thành nên sự vật..

B. Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tổng hợp ổn định bên trong sự vật, qui định sự vận động và phát triển của sự vật.



C. Một phê phán triết học dùng để chỉ tính qui định khách quan vận có của sự vật, là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính làm cho sự vật nó là nó chứ không phải là cái khác.

D. Những tính chất, những trạng thái, những yếu tố tạo thành sự vật.

Câu 145: Điền vào chỗ trống chỗ trống sao cho phù hợp:

“Lượng là một phê phán triết học dùng để chỉ vận có của sự vật về mặt số lượng, qui mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật” (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Thuộc tính.

-  B. Tính qui định khách quan.
- C. Mọi quan hệ.
- D. Tên gọi.

Câu 146: Phê phán nào của triết học Mác-Lênin dùng để chỉ những giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng của sự vật chứa làm thay đổi căn bản chất của sự vật ? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Đủ.
- B. Điểm nút.
- C. Điểm im.
- D. Phát triển.

Câu 147: Phê phán nào của triết học Mác-Lênin? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự thay đổi về lượng của sự vật trước đó gây nên.
-  B. Sự chuyển hóa về chất của sự vật do sự thay đổi về lượng của sự vật trước đó gây nên.
- C. Sự chuyển hóa về lượng của sự vật.
- D. Sự chuyển hóa về chất của sự vật do sự thay đổi về lượng của sự vật gây nên

Câu 148: Bài học có ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động thực tiễn khi tìm hiểu quy luật lượng - chất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Ta phải tổng hợp tích lũy về lượng để làm biến đổi về chất theo quy luật.
- B. Bằng hoạt động có ý thức nắm bắt được quy luật khách quan mà ta có thể rút ngắn quá trình tích tụ về lượng để đột ngột qua mong muốn; vận dụng linh hoạt các hình thức biện chứng trong các tình huống lịch sử cụ thể.
- C. Muốn duy trì một trạng thái hiện thực nào đó ta cần nắm bắt được giới hạn của nó, không để sự thay đổi của lượng vượt quá ngưỡng của nó.
-  D. Cả ba bài học trên.

Câu 149: Điền vào chỗ trống chỗ trống sao cho phù hợp:

“Một đời lập là những mặt có những đặc điểm, những thuộc tính, những tính quy định có khuynh hướng vận động và biến đổi tồn tại một cách khách quan bên trong các sự vật hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy” (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Khác nhau.
-  B. Trái ngược nhau.
- C. Đối lập với nhau.
- D. Gần bó với nhau.

Câu 150: Khái niệm thống nhất giữa các mặt đối lập theo quan điểm của triết học Mác-Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Là sự nương tựa lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau giữa các mặt đối lập, sự tồn tại của mặt này phải lấy sự tồn tại của mặt kia làm tiền đề.
- B. Là sự nương tựa lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau giữa các mặt đối lập.
- C. Là sự nương tựa lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau giữa các sự vật, sự tồn tại của sự vật này phải dựa vào sự tồn tại của sự vật khác.
- D. Là sự tồn tại không tách rời nhau giữa các mặt đối lập, sự tồn tại của mặt này phải tương ứng với sự tồn tại của mặt kia.

Câu 151: Khái niệm đấu tranh giữa các mặt đối lập theo quan niệm của triết học Mác-Lênin là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Sự tác động theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt đối lập.
- B. Sự tác động giữa các mặt đó.

- C. Số tác động theo xu hướng bài trừ và phê bình lẫn nhau giữa các mặt của các sự vật hiện tượng.
- D. Số tác động lẫn nhau của tất cả các mặt trong cùng một sự vật hiện tượng.

Câu 152: Mẫu thuẫn bên trong là gì? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Trạng thái mà ở đó bao hàm cả hai trạng thái vừa thống nhất vừa đấu tranh của các mặt đối lập.
- B. Là trạng thái dùng để chỉ sự thống nhất của các mặt đối lập.
- C. Là trạng thái dùng để chỉ sự đấu tranh của các mặt đối lập.
- D. Là trạng thái dùng để chỉ sự thống nhất và đấu tranh của các sự vật hiện tượng.

Câu 153: Sự thống nhất của các mặt đối lập gắn liền với trạng thái nào của các sự vật hiện tượng trong thời giới khách quan? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự vật hiện tượng đang vận động và biến đổi.
- B. Sự vật hiện tượng đang bị tiêu vong.
- C. Sự vật hiện tượng được sinh ra.
-  D. Sự vật hiện tượng đang trong trạng thái đứng im tương đối.

Câu 154: Quy luật nào vạch ra nguồn gốc, động lực của sự vận động và phát triển?

- A. Quy luật phê bình của phê bình
- B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng đến đến sự thay đổi về chất và ngược lại
- C. Quy luật về mối liên hệ bên trong giữa tự nhiên và xã hội
-  D. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

Câu 155: Theo quan điểm siêu hình thì sự phê bình là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác trong quá trình vận động và phát triển.
-  B. Xóa bỏ hoàn toàn cái cũ, chấm dứt sự phát triển của chúng.
- C. Sự phê bình là tiền đề, điều kiện cho sự phát triển liên tục, cho sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ.
- D. Sự phê bình là sự phê bình tự thân, sự phát triển tự thân, là một khâu đến tới sự ra đời sự vật mới.

Câu 156: Phê bình bên trong là :

- A. Sự thay thế cái cũ bằng cái mới
- B. Phê bình làm cho sự vật vận động thụt lùi, đi xuống, tan rã, nó không tạo điều kiện cho sự phát triển
-  C. Sự phê bình có kết quả và tạo điều kiện cho phát triển tiếp theo
- D. Tất cả các câu đều sai

Câu 157: Những đức tính cơ bản của phê bình bên trong? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Liên tục và vô tận.
- B. Khách quan và biện chứng.
-  C. Khách quan và kết quả.
- D. Tự thân, phong phú, đa dạng và phức tạp.

Câu 158: Theo quan điểm của triết học Mác- Lênin, để hình thành cái mới thì sự phê bình được thực hiện ít nhất là mấy lần? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Một
-  B. Hai

- C. Ba
- D. Bốn.

Câu 159: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, xu hướng của sự phát triển được mô phỏng như thế nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Đang thăng tiến lên.
- B. Đang dao động hình sin



- C. Xoáy tròn ốc.
- D. Đang tròn khép kín.

Câu 160: Quan niệm của triết học Mác- Lênin về cái kĩ thuật ? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Cái cũ còn tồn tại trong cái mới nhưng phù hợp với qui luật vận động và phát triển của cái mới.
- B. Cái cũ còn tồn tại trong cái mới, sau một quá trình điều chỉnh hoàn thiện để trở thành cái mới.
- C. Cái kĩ thuật là những giá trị, những thuộc tính của cái cũ còn tồn tại trong cái mới, cùng với cái mới phát triển.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 161: Để phát triển nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước hiện nay, những thành tựu nào của chủ nghĩa tư bản mà ta cần phải kĩ thuật?

- A. phương pháp tổ chức và quản lý sản xuất.
- B. Phương pháp áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất.
- C. Phương pháp quản lý xã hội bằng luật pháp.



- D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 162: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, thực tiễn là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Toàn bộ những hoạt động nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.
- B. Toàn bộ những hoạt động có ý thức của con người.
- C. Toàn bộ những hoạt động ý thức của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.



- D. Toàn bộ những hoạt động vật chất, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

Câu 163: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, thì hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Xây dựng hệ thống pháp luật.



- B. Sản xuất vật chất.
- C. Chính trị xã hội.
- D. Thực nghiệm khoa học

Câu 164: Trong thời đại ngày nay, hoạt động thực nghiệm khoa học có đặc điểm gì khiến cho nó ngày càng trở nên quan trọng đối với đời sống xã hội?

- A. Tìm được những bản chất chi sâu của thế giới vật chất.



- B. Gắn liền với quá trình sản xuất vật chất xã hội.
- C. Được sự quản lý chặt chẽ của nhà nước.
- D. Có sự phân hoá sâu sắc thành các ngành khoa học cơ bản

Câu 165: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin thì nhận thức có tính bao gồm các hình thức nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận.

B. Kinh nghiệm, tình cảm, lý tính.



C. Cảm giác, tri giác, biểu tượng.

D. Cảm giác, tình cảm, tri giác.

Câu 166: Quan niệm của triết học Mác- Lênin về hình thức tồn tại phán đoán? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Phán đoán là một hình thức của tồn tại liên kết các khái niệm lại với nhau để không định hoặc phủ định một điều gì, một thuộc tính nào đó của đối tượng.

B. Phán đoán là cách thức dùng để dự đoán ra một điều gì, một thuộc tính của đối tượng nhận thức mà các cơ quan cảm giác không thể biết được.

C. Phán đoán là đoán ra những sự vật, hiện tượng sẽ xảy ra trong tương lai.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 167: Mệnh đề nào dưới đây là một phán đoán?

A. Loài người sẽ tìm ra được cách duy trì sự sống ngoài vũ trụ.

B. Sẽ có sự sống ngoài trái đất.

C. Loài người sẽ tìm được sự sống ngoài vũ trụ.



D. Trái đất là một hành tinh duy nhất trong thái dương hệ có sự sống.

Câu 168: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, hình thức tồn tại suy luận: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Là những lập luận được suy ra từ sự quan sát thực tế.



B. Là hình thức của tồn tại liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra một tri thức mới.

C. Là những suy đoán dựa trên một hiện tượng nào đó.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 169: Ví dụ nào dưới đây là một kinh nghiệm? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Một nam châm bao giờ cũng có hai cực là cực bắc và cực nam.

B. Ở đâu có áp lực thì ở đó có sự tranh.



C. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

D. Trái đất quay quanh mặt trời.

Câu 170: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin thì nhận thức khoa học là loại nhận thức được tạo ra nhờ thế nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Được hình thành từ sự phản ánh được điểm bên trong, những quan hệ của đối tượng nghiên cứu.

B. Được hình thành một cách chủ thể và hệ thống từ sự phản ánh được điểm của đối tượng nghiên cứu.

C. Được hình thành một cách trực giác và liên tiếp từ sự phản ánh được điểm bên trong, những quan hệ tất yếu của đối tượng nghiên cứu.



D. Được hình thành một cách chủ thể và gián tiếp từ sự phản ánh được điểm bên trong, những quan hệ tất yếu của đối tượng nghiên cứu.

Câu 171: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, tính chủ thể của chân lý là gì?

A. Sẽ đúng đến của chân lý là chủ thể.

B. Sự phản ánh chân thực về một đối tượng hiện thực khách quan chủ thể.



C. Là đặc tính gắn liền và phù hợp giữa nội dung phản ánh với một đối tượng nhất định cùng các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, chủ thể.

D. Cả ba đều đúng.

Câu 172: Ví dụ nào dưới đây là một chân lý? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Trái đất là một hành tinh.
- B. Một trái mận có hướng đông.
- C. Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa.
- D. Chân lý thuộc về kẻ minh.

Câu 173: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người là định nghĩa của phạm trù nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Lao động sản xuất.
- B. Phương thức sản xuất.
- C. Hình thức sản xuất.
- D. Kế hoạch sản xuất.

Câu 174: Trong các yếu tố của lực lượng sản xuất thì yếu tố nào là cơ bản nhất, quan trọng nhất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Công cụ lao động.
- B. Người lao động.
- C. Khoa học công nghệ.
- D. Đối tượng lao động.

Câu 175: Trong thời đại ngày nay nhân tố nào khi trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp thì nó sẽ có một vai trò ngày càng quan trọng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Nhà nước.
- B. Chính trị.
- C. Khoa học và công nghệ hiện đại.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 176: Trong lịch sử phát triển của nhân loại thì hình thức quan hệ sản xuất nào sinh ra chế độ bóc lột sức lao động thông đầu tiên với giai cấp công nhân?



- A. Chế độ nô lệ
- B. Phong kiến
- C. Tư bản chủ nghĩa
- D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 177: Trong các mặt của quan hệ sản xuất thì quan hệ nào là quan hệ xuất phát, quan hệ cơ bản, quan hệ được trọng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.
- B. Quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất.
- C. Quan hệ phân phối sản phẩm sản xuất ra.
- D. Bao gồm đáp án a và c.

Câu 178: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, quan hệ phân phối có nghĩa là: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Nhà sản xuất phân phối sản phẩm cho người tiêu dùng.
- B. Nhà sản xuất phân phối sản phẩm cho khách hàng.
- C. Là việc xác định trong những người cùng tham gia vào quá trình sản xuất, ai là người có quyền quyết định cách thức phân chia mức hưởng thụ sản phẩm.
- D. Là sự phân phối hàng hóa trong thị trường.

Câu 179: Trong một phòng thực sản xuất, quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Đồng nhất nhau.
- B. Đối lập nhau.
- C. Thống nhất nhau.



D. Bao gồm đáp b và c

Câu 180: Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện năng lực gì của con người? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Trình độ nhận thức thế giới khách quan
- B. Trình độ lý luận chính trị xã hội



C. Trình độ chinh phục tự nhiên

D. Trình độ tự ý thức về bản thân

Câu 181: Trường hợp nào dưới đây sẽ dẫn đến sự kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Quan hệ sản xuất lạc hậu hơn lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất được áp đặt bởi một hình thức chủ quan vượt trội của lực lượng sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất thống nhất với lực lượng sản xuất.



D. Đáp án a và b

Câu 182: Nước ta đang ở giai đoạn nào của quá trình xây dựng và phát triển CNXH? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Thời kỳ quá độ tiến lên CNXH
- B. Giai đoạn đầu của quá trình tiến lên CNXH.
- C. Đang ở trong giai đoạn phát triển CNXH.
- D. Đang ở trong giai đoạn CNXH phát triển.

Câu 183: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, cái gì là tổng thể? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Toàn bộ những hệ thống vật chất phức tạp cho sản xuất và sinh hoạt xã hội như: đường sá, bưu chính viễn thông, điện nước, vỉa hè cây xanh, công thoát nước...
- B. Toàn bộ những hệ thống bên bãi kho tàng...
- C. Toàn bộ những hệ thống tiến ích công cộng như: trường học, bệnh viện, chợ, nhà sách, thư viện...



D. Toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định.

Câu 184: Định nghĩa kiến trúc thượng tầng theo quan điểm của triết học Mác- Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Toàn bộ những quan điểm và qui hoạch đô thị, tổng hợp với các công trình đã tồn tại và được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.
- B. Toàn bộ những quan điểm kinh tế - chính trị, cùng với những tổ chức xã hội tổng hợp như cơ quan, công ty, xí nghiệp, nhà máy... được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.
- C. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... cùng với những thiết chế xã hội tổng hợp như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội... được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.
- D. Toàn bộ những lý luận chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật.



Câu 185: Yếu tố nào của kiến trúc thượng tầng có tác động trở lại mạnh mẽ nhất đối với cơ sở hạ tầng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Triết học và khoa học
- B. Chính trị và pháp quyền thông qua quyền lực của nhà nước và hệ thống luật pháp.



- C. Đeo đũa và nghề thủ.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 186: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, thì phạm trù hình thái kinh tế-xã hội là sự thống nhất giữa các nhân tố nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Kinh tế, chính trị và xã hội.
- B. Nhà nước, đoàn thể và nhân dân.



- C. Lực lượng sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
- D. Luật pháp, hành pháp và tư pháp.

Câu 187: Đảng và nhà nước ta đã vận dụng học thuyết hình thái kinh tế-xã hội vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước nào?

- A. Tiến lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, những vận xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
- B. Kết hợp sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với xây dựng CNXH.
- C. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội.



- D. Bao gồm cả a, b, c

Câu 188: Nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, vì thực chất là bỏ qua nội dung gì?

- A. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa



- B. Sự thống trị và giai cấp của giai cấp tư sản trong hai lĩnh vực kinh tế và chính trị
- C. Nền văn minh TBCN
- D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 189: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, khái niệm nào dùng để chỉ toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Hình thái kinh tế-xã hội.



- B. Tầng tối xã hội.
- C. Lao động sản xuất.
- D. Quan hệ sản xuất.

Câu 190: Trong tầng tối xã hội thì yếu tố nào là quan trọng và quyết định nhất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Điều kiện tự nhiên – hoàn cảnh đời sống.
- B. Dân số và mặt đời sống.
- C. Quan hệ sản xuất.



- D. Phương thức sản xuất.

Câu 191: Ý thức xã hội là sự phản ánh và?(Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Giới tự nhiên, xã hội và tư duy.
- B. Hiện thực khách quan.



- C. Tầng tối xã hội.
- D. Hoạt động sản xuất vật chất.

Câu 192: Mọi quan hệ giữa ý thức xã hội với ý thức cá nhân là?(Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Ý thức cá nhân tồn tại được lập và không liên hệ gì với ý thức xã hội.
- B. Ý thức xã hội là cái quyết định và tạo thành ý thức cá nhân.
- C. Ý thức xã hội là tổng số những ý thức cá nhân.
-  D. Ý thức cá nhân với ý thức xã hội là mối liên hệ giữa cái riêng và cái chung.

Câu 193: Nếu xét theo trình độ của số phần ánh thì kết cấu của ý thức xã hội bao gồm các yếu tố nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Ý thức cá nhân, ý thức xã hội.
-  B. Ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận.
- C. Hệ thống các chính sách chủ trương của nhà nước và văn hóa tư tưởng.
- D. Ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, ý thức khoa học, ý thức tri thức, ý thức nghệ thuật, ý thức tôn giáo...

Câu 194: Nếu xét theo cấp độ của số phần ánh thì kết cấu của ý thức xã hội bao gồm các yếu tố nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Ý thức xã hội thông thường và ý thức xã hội lý luận.
- B. Ý thức nhân dân và ý thức Nhà nước.
-  C. Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng.
- D. Cả ba yếu tố trên.

Câu 195: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, những tri thức những quan niệm của con người với tồn tại xã hội, được hình thành một cách trực tiếp trong hoạt động thực tiễn hàng ngày, chưa được hệ thống hóa, khái quát ?(Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Tri thức kinh nghiệm.
-  B. Ý thức xã hội thông thường.
- C. Tâm lý xã hội.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 196: Tại sao nói ý thức xã hội lý luận có trình độ cao hơn ý thức xã hội thông thường? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Ý thức xã hội lý luận được thể chế hóa bằng văn bản pháp qui.
- B. Ý thức xã hội lý luận do những nhà tư tưởng có trình độ cao xây dựng nên.
-  C. Vì nó có khả năng phản ánh hiện thực xã hội khách quan một cách khái quát, sâu sắc và chính xác, vạch ra các mối liên hệ bản chất của các quá trình xã hội.
- D. Cả ba quan hệ trên.

Câu 197: Theo quan điểm của triết học Mác -Lênin, vai trò của tâm lý xã hội đối với hệ tư tưởng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Tăng thêm yếu tố tâm lý để nhà nước có thể quản lý dân cư một cách có tình có lý.
-  B. Tâm lý xã hội giúp cho các hệ tư tưởng bắt xu hướng, giáo dục do đó gắn với cuộc sống hiện. Vì vậy nó sẽ giúp cho các thành viên của một giai cấp nhất định dễ dàng tiếp thu những tư tưởng của giai cấp.
- C. Giúp hệ tư tưởng có thể giải quyết được những vấn đề về tâm lý của xã hội và con người.
- D. Cả ba biểu hiện trên

Câu 198: Theo quan điểm của triết học Mác -Lênin, trong xã hội có phân chia giai cấp thì hệ tư tưởng xã hội chủ đạo là do hệ tư tưởng của giai cấp nào qui định? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Giai cấp bị trị.
-  B. Giai cấp thống trị.

- C. Tổng hợp trí thức trong xã hội đó.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 199: Tại sao nói học tập tổng hợp của chủ nghĩa Mác-Lênin là đúng đắn nhất, tiến bộ nhất và khoa học nhất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Vì học tập tổng hợp của chủ nghĩa Mác-Lênin kết quả của sự tổng kết hiện thực xã hội trên cơ sở có sự kết thừa toàn bộ di sản học tập tổng hợp của nhân loại, nên nó phản ánh đúng đắn và đầy đủ nhất các mối quan hệ vật chất của xã hội ở các giai đoạn lịch sử của xã hội loài người.
- B. Vì học tập tổng hợp của chủ nghĩa Mác-Lênin là tiếng nói chung của một giai cấp tiến bộ và cách mạng nhất trong lịch sử nhân loại đó là giai cấp vô sản và nhân dân lao động.
- C. Vì học tập tổng hợp của chủ nghĩa Mác-Lênin là vũ khí lý luận sắc bén cho phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động vì mục đích giải phóng xã hội khỏi giai cấp; xóa bỏ tình trạng phân chia giai cấp trong xã hội, xóa bỏ sự áp bức bóc lột, sự bất công và bất bình đẳng trong xã hội và do đó giải phóng con người.



- D. Vì cả ba nguyên nhân trên.

Câu 200: Học tập tổng hợp chỉ đo sự nghiệp cách mạng của nước ta hiện nay là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Tập tổng hợp Hồ Chí Minh.
- B. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tập tổng hợp Hồ Chí Minh.
- C. Chủ nghĩa Mác-Lênin.



- D. Chủ nghĩa Mác.

Câu 201: Theo quan điểm của triết học Mác -Lênin, sự quy định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội được thể hiện như thế nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Tồn tại xã hội sinh ra ý thức xã hội, ý thức xã hội phù hợp với tồn tại xã hội sinh ra nó.
- B. Khi tồn tại xã hội thay đổi thì sớm muộn gì ý thức xã hội cũng thay đổi tương ứng.
- C. Trong xã hội có giai cấp thì ý thức xã hội cũng có tính giai cấp.



- D. Cả ba biểu hiện trên

Câu 202: Tính đặc trưng tổng hợp của ý thức xã hội biểu hiện ở: (đáp án nào dưới đây là sai)

- A. Ý thức xã hội tổng hợp học hữu học có thể vượt trội tồn tại xã hội. Sự phát triển của ý thức xã hội có tính kế thừa từ những hình thái ý thức xã hội có trước trong lịch sử.
- B. Các hình thái ý thức xã hội có sự tác động qua lại lẫn nhau và có tác động trở lại đối với tồn tại xã hội
- C. Một số hình thái ý thức xã hội có thể tạo nên một hình thức tồn tại xã hội được thừa trong lịch sử.



- D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 203: Theo quan điểm của triết học Mác -Lênin, trong thời đại ngày nay, hình thái ý thức xã hội nào có sự tác động mạnh mẽ và sâu sắc đối với các hình thái ý thức xã hội khác? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Khoa học.
- B. Đạo đức và tôn giáo
- C. Chính trị và pháp quyền
- D. Nghệ thuật.



Câu 204: Theo quan điểm của triết học Mác -Lênin, Ý thức chính trị là gì? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Ý thức về quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội giữa các giai cấp dân tộc và nhà nước.
- B. Biểu hiện thái độ của các giai cấp đối với quyền lực của nhà nước.
- C. Biểu hiện tập trung trực tiếp lợi ích giai cấp



- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 205: Với câu bên, ý thức pháp quyền phản ánh trực tiếp yêu cầu gì của đời sống xã hội?



- A. Quan hệ sản xuất
- B. Chính trị
- C. Đạo đức
- D. Triết học

Câu 206: Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, hình thái ý thức nào là những quan niệm xuất hiện trong những mối quan hệ giữa người với người trong xã hội: vật chất-ác, tốt-xấu, lòng tâm, trách nhiệm, công bằng, hình phúc... Và các qui tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa các cá nhân với nhau và với xã hội? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Chính trị.
- B. Pháp quyền.



- C. Đạo đức.
- D. Bao gồm các đáp án trên.

Câu 207: Khi thâm nhập vào các hình thái ý thức xã hội khác, triết học khoa học hình thành nên điều gì?



- A. Hình thành những ngành khoa học cụ thể về những ý thức xã hội đó
- B. Lý luận nghiên cứu về ý thức xã hội
- C. Là thay đổi bản chất của các hình thái ý thức xã hội đó
- D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 208: Sự tác động của ý thức chính trị và pháp quyền đối với các hình thái ý thức xã hội khác và với tồn tại xã hội thông qua quy luật nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sức mạnh của sự tuyên truyền.



- B. Quy luật của nhà nước.
- C. Quy luật của kinh tế.
- D. Quy luật của người đứng đầu nhà nước.

Câu 209: Nguồn gốc ra đời của nhà nước? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Để điều hoà mâu thuẫn giai cấp
- B. Do mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà
- C. Nhà nước ra đời để quản lý xã hội
- D. Cả ba đáp án trên

Câu 210: Ngày nay, đâu là nguyên nhân cơ bản khiến các quốc gia phải mở rộng quan hệ đối ngoại?

- A. Vì sự tồn tại của hành tinh xanh trái đất
- B. Do tác động của toàn cầu hoá
- C. Do chính sách hội nhập của các quốc gia
- D. Ba đáp án trên đều sai.

Câu 211: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, có sự khác biệt xác định sự khác nhau của các giai cấp trong một xã hội nhất định là gì? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Giới tính.
- B. Quan hệ sản xuất.
- C. Nghề nghiệp.



D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 212: Quan điểm của triết học Mác -Lênin về nguồn gốc trực tiếp hình thành giai cấp: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Khác nhau về nghề nghiệp

B. Sự phát triển của lực lượng sản xuất



C. Chế độ tài hữu và tài liệu sản xuất

D. Cả ba đáp án trên

Câu 213: Trong xã hội có đối kháng giai cấp, có những giai cấp cơ bản nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Giai cấp thống trị, giai cấp bị trị, các giai cấp khác và các tầng lớp trung gian.

B. Các giai cấp và tầng lớp trung gian.



C. Giai cấp thống trị và giai cấp bị trị.

D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 214: Trong bất kỳ xã hội nào, bên cạnh các giai cấp cơ bản cũng tồn tại một tầng lớp dân cư có vai trò quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa... họ là ai?

A. Tầng lớp chính trị gia

B. Tầng lớp tu sĩ

C. Tầng lớp nghề sĩ



D. Tầng lớp trí thức

Câu 215: Theo quan điểm của V. I. Lênin, “Đấu tranh giai cấp” hiểu theo nghĩa chung nhất là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Cuộc đấu tranh nông dân chống bọn địa chủ phong kiến có được quyền được lợi, bọn áp bức và bọn ăn bám

B. Cuộc đấu tranh của những người công nhân làm thuê hay những người vô sản, chống giai cấp tư sản



C. Là sự đấu tranh giữa giai cấp bị áp bức bóc lột với giai cấp áp bức bóc lột.

D. Là sự đấu tranh giữa giai cấp nô lệ với giai cấp chủ nô.

Câu 216: Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng vì nó giải quyết được mâu thuẫn cơ bản nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Nó giải quyết được sự xung đột giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất lạc hậu, thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội tới thời sang chủ nghĩa xã hội mới cao hơn

B. Đấu tranh giai cấp phát triển thành cách mạng xã hội thì mới một của đời sống xã hội phát triển với một nhịp độ chuyển động thay đổi ngày bằng hai mươi năm”

C. Đấu tranh giai cấp còn góp phần cải tạo giai cấp cách mạng, phát triển trên các lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 217: Trong đấu tranh giai cấp, giai cấp nào sẽ là lực lượng lãnh đạo cách mạng?

A. Giai cấp bị bóc lột trong quan hệ sản xuất thống trị

B. Giai cấp đối diện cho quyền lợi chính trị của xã hội

C. Giai cấp đối diện cho quan hệ chính trị tiên tiến



D. Giai cấp đối lập với giai cấp thống trị, thống nhất quyền lợi với giai cấp bị trị và đối diện cho phương thức sản xuất tiên tiến

Câu 218: Phương thức sản xuất nào làm cho lợi ích cơ bản của giai cấp thống trị phù hợp với lợi ích của cộng đồng dân tộc? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Phương thức sản xuất chủ nghĩa nô lệ.

- B. Phong tục sản xuất phong kiến.
- C. Phong tục sản xuất tư bản chủ nghĩa.

 D. Phong tục sản xuất xã hội chủ nghĩa (công sản chủ nghĩa)

Câu 219: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, cách mạng xã hội là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự biến đổi có tính chất bóc lột và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội
- B. Việc lật đổ một chế độ chính trị đã lỗi thời, thiết lập một chế độ chính trị tiên tiến hơn
- C. Sự thay đổi về hình thái kinh tế - xã hội

 D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 220: Nguyên nhân cơ bản của cách mạng xã hội? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- B. Mâu thuẫn giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 221: Sau khi phân tích về qui luật phát triển không đồng đều của các nước đế quốc đầu thế kỷ XX, Lênin đã chỉ ra rằng cách mạng XHCN chỉ có thể xảy ra và thành công ở đâu?

- A. Các nước tư bản phát triển cao
-  B. Các nước tư bản trung bình, thậm chí chưa qua tư bản chủ nghĩa.
- C. Các nước tư bản Châu Âu
- D. Các nước nghèo ở Phương Đông

Câu 222: Sự kiện lịch sử nào dưới đây là cách mạng xã hội ở Việt Nam? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng
- B. Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi ở Lam Sơn.

 C. Cách mạng tháng 8-1945.

D. Chiến thắng biên giới tây nam năm 1979.

Câu 223: Quan niệm của triết học Mác-Lênin về bản chất con người? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Con người là một thực thể thống nhất giữa một sinh vật với một xã hội.
- B. Trong tính hiện thực của nó con người là tổng hòa những quan hệ xã hội trên nền tảng sinh học.
- C. Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử.

 D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 224: Quan điểm tiên tiến và cách mạng nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề con người là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Giới thích được nguồn gốc tự nhiên và xã hội của con người dưới ánh sáng khoa học
- B. Mô tả được quá trình hoạt động sống và lao động sản xuất của con người theo tinh thần của chủ nghĩa duy vật.

 C. Đưa ra được học thuyết cách mạng và triết học về đấu tranh giải phóng con người.

D. Giới thích được một cách khoa học nguồn gốc của ý thức của con người.

Câu 225: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, khái niệm nào dùng để chỉ lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội. Là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội và là nguồn sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần cho xã hội? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Quần chúng nhân dân.
- B. Lãnh tụ
- C. Ví nhân.
- D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 226: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về lãnh tụ là: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Những cá nhân kiệt xuất có sẵn sẵn có với quần chúng nhân dân.
- B. Những cá nhân kiệt xuất được quần chúng tín nhiệm.
- C. Những cá nhân kiệt xuất tự nguyện hy sinh bản thân mình vì lợi ích của quần chúng nhân dân.
-  D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 227: Vai trò của lãnh tụ đối với phong trào của quần chúng nhân dân? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Thúc đẩy hoặc kìm hãm sự tiến bộ của xã hội.
- B. Là người sáng lập ra các tổ chức chính trị, xã hội và là linh hồn của các tổ chức đó.
- C. Lãnh tụ của mọi thời đại chỉ có thể hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra của thời đại đó.
-  D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 228: Những điều kiện ra đời của nền sản xuất hàng hóa?

- A. Do nhu cầu tiêu dùng của con người gia tăng.
- B. Do của cải vật chất của xã hội dồi dào.
-  C. Có sự phân công lao động xã hội và chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.
- D. Xuất hiện nền đại công nghiệp công khí.

Câu 229: Ưu thế của nền sản xuất hàng hóa?

- A. Xóa bỏ tính bảo thủ trì trệ của kinh tế tự nhiên.
- B. Sự cạnh tranh trong thị trường buộc các chủ thể sản xuất phải năng động, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm hàng hóa.
- C. Tạo môi trường để phát triển giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các địa phương, quốc gia, dân tộc trên thế giới, tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho các nước.
-  D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 230: Một vật phẩm được gọi là hàng hóa khi?

- A. Là sản phẩm của lao động.
- B. Có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
- C. Được trao đổi, mua bán trên thị trường.
-  D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 231: Những nhân tố ảnh hưởng đến lòng giá trị hàng hóa?

- A. Năng suất lao động
- B. Cường độ lao động
- C. Mức độ giản đơn hay phức tạp của lao động
-  D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 232: Hình thức giản đơn của giá trị là?

A. Giá trị được qui về số cần thiết của sản phẩm.



B. Giá trị của một sản phẩm hàng hóa này được xác định bằng giá trị của một loại hàng hóa khác một cách ngẫu nhiên.

C. Giá trị hàng hóa tùy theo sở thích của người sử dụng.

D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 233: Hình thức mở rộng của giá trị là?

A. Giá trị hàng hóa tùy theo sở thích của người sử dụng.

B. Giá trị của một sản phẩm hàng hóa này được xác định bằng giá trị của một loại hàng hóa khác một cách ngẫu nhiên.



C. Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở giá trị sử dụng của nhiều hàng hóa khác nhau có tác động làm vượt ngang giá.

D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 234: Hình thức chung của giá trị là:



A. Tất cả các hàng hoá đều biểu hiện giá trị của mình ở cùng một thứ hàng hoá đóng vai trò là vượt ngang giá chung. Tuy nhiên, vượt ngang giá chung chứa ẩn định ở một thứ hàng hoá nào.

B. Tất cả các hàng hoá đều biểu hiện giá trị của mình ở cùng một thứ hàng hoá đóng vai trò là vượt ngang giá chung là tiền tệ.

C. Giá trị của một sản phẩm hàng hóa này được xác định bằng giá trị của một loại hàng hóa khác một cách ngẫu nhiên.

D. Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở giá trị sử dụng của nhiều hàng hóa khác nhau có tác động làm vượt ngang giá.

Câu 235: Lượng phát triển là?

A. Giá nhập khẩu nguyên vật liệu tăng làm giá cả hàng hóa thị trường tăng đột biến vượt quá giá trị thật của nó.



B. Lượng tiền được phát hành vượt quá giá trị của hàng hóa đang lưu thông.

C. Tăng tiền lương cho công nhân viên chức.

D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 236: Mục đích của sản xuất hàng hóa là để :

A. Trao đổi

B. Bán

C. Để tiêu dùng cho người khác



D. Cả a, b, c đều đúng

Câu 237: Nội kinh tế hàng hóa phát triển qua những giai đoạn nào?

A. Kinh tế hàng hóa giản đơn, kinh tế thị trường hiện đại

B. Kinh tế thị trường hỗn hợp, kinh tế thị trường tự do

C. Kinh tế hàng hóa giản đơn, kinh tế thị trường tự do



D. Kinh tế hàng hóa giản đơn, kinh tế thị trường

Câu 238: Đặc trưng của thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hóa là ?

A. Tính hữu ích cho người sản xuất ra nó



B. Tính hữu ích cho người mua

C. Cho cả người sản xuất và cho người mua

D. Các phương án trên đều đúng

Câu 239: Giá trị hàng hóa được tạo ra từ đâu?

-  A. Từ sản xuất
- B. Từ trao đổi
- C. Từ phân phối
- D. Cả a, b, c

Câu 240: Lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng ?

- A. Thời lượng cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
-  B. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- C. Mức hao phí lao động xã hội trung bình để sản xuất ra hàng hóa
- D. Cả 3 câu trên

Câu 241: Thời gian lao động xã hội cần thiết của một hàng hóa A thông được xác định bằng:

- A. Thời gian lao động tổng ngành sản xuất lượng hàng hóa trên thị trường.
-  B. Thời gian lao động cá biệt của nhà sản xuất cung cấp đối bộ phận hàng hóa A trên thị trường
- C. Thời gian lao động của từng người để làm ra hàng hóa của họ.
- D. Tất cả các phương án trên đều sai.

Câu 242: Lao động được hiểu là ?

- A. Khả năng của lao động
-  B. Hoạt động có mục đích của con người để tạo ra của cải
- C. Thời lực và trí lực của con người được sử dụng trong quá trình lao động
- D. Cả a, b và c

Câu 243: Hai mặt trong một lao động sản xuất hàng hóa là ?

- A. Lao động giản đơn và lao động phức tạp
- B. Lao động tự nhiên và lao động xã hội
- C. Lao động quá khứ và lao động sống
-  D. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng

Câu 244: Một lao động nào dưới đây tạo nên giá trị hàng hóa?

- A. Lao động cụ thể
- B. Lao động phức tạp
- C. Lao động giản đơn
-  D. Lao động trừu tượng

Câu 245: Biện pháp để tăng năng suất lao động trong quá trình sản xuất hàng hóa là ?

- A. Thay đổi cách thức lao động
- B. Tăng thời gian lao động
- C. Bớt bớt lao động nhiều hơn trong một thời gian
-  D. Không phương án nào đúng

Câu 246: Số lượng sản phẩm sản xuất ra trong 1 đơn vị thời gian của nhà tư bản thay đổi như thế nào khi năng suất lao

đồng tăng ?

A. Không đổi

 B. Tăng

C. Giảm

D. Không giảm cũng a, b, c

Câu 247: Khi năng suất lao động tăng ảnh hưởng như thế nào đến lượng giá trị của hàng hóa ?

A. Lượng giá trị hàng hóa không đổi

 B. Lượng giá trị hàng hóa giảm

C. Lượng giá trị hàng hóa tăng

D. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 248: Công đơ lao động là ?

 A. Mức đơ khỏn trỏng hay nỏng nhỏc của lao đỏng

B. Hiỏu quỏ của lao đỏng

C. Hiỏu suỏt của lao đỏng

D. Các phỏngỏnỏn trỏn đỏu sai.

Câu 249: Khi tăng công đơ lao động ảnh hưởng như thế nào đến lượng giá trị hàng hóa ?

A. Mức hao phí lao động trong một đờn vớ thời gian giảm

B. Mức hao phí lao động trong một đờn vớ thời gian không đổi

 C. Mức hao phí lao động trong một đờn vớ thời gian tăng lên

D. Tất cả các phỏngỏnỏn trỏn đỏu sai

Câu 250: Lao động giỏn đờn là ?

 A. Lao đỏng không qua huỏn luyỏn đỏo tỏo, lao đỏng không thành thỏo

B. Lao đỏng chân tay

C. Lao đỏng cả thỏ

D. Tất cả các phỏngỏnỏn trỏn đỏu đỏng

Câu 251: Nguồn gốc của tiỏn là ?

A. Do mua bán, trao đỏi quỏc tỏ

B. Do nhà nỏcc phát hành

C. Do nhu cầu mua bán

 D. Do nhu cầu của sản xuỏt và trao đỏi hàng hóa

Câu 252: Bỏn chỏt của tiỏn là ?

A. Là vàng

B. Tiỏn giỏy

C. Là kim loỏi quý

 D. Là hàng hóa đỏc biỏt

Câu 253: Những hình thức cơ bản của tiền là :

- A. Tiền giấy
- B. Tiền séc
- C. Trái phiếu chính phủ



- D. Gồm cả a, b, c

Câu 254: Chức năng thực đo giá trị của tiền là :

- A. Phương tiện mua hàng
- B. Đo lường giá trị của các hàng hóa
- C. Nạp thu
- D. Trả nợ



Câu 255: Theo quy luật lưu thông tiền tệ, lượng tiền cần thiết trong lưu thông tỉ lệ thuận với yếu tố nào dưới đây :

- A. Giá trị hàng hóa lưu thông trên thị trường.
- B. Tốc độ lưu thông của tiền.
- C. Số tiền mua bán chịu.
- D. Các phương án trên đều đúng.

Câu 256: Giá cả hàng hóa lớn hơn giá trị hàng hóa trong trường hợp nào dưới đây :



- A. Cung nhỏ hơn cầu.
- B. Cung bằng cầu.
- C. Cung lớn hơn cầu.
- D. Cả 3 phương án đều sai.

Câu 257: Nguyên nhân dẫn đến độc lập tài năng đối với kinh tế giữa các chế độ sản xuất :

- A. Số hữu tài nhân với tài liệu sản xuất
- B. Những hình thức sở hữu khác với tài liệu sản xuất.
- C. Số tách rời quyền sở hữu và quyền sử dụng



- D. Bao gồm cả a, b, c

Câu 258: Lạm phát có thể xảy ra do những nguyên nhân:

- A. Chi phí sản xuất tăng.
- B. Khi tiền tín dụng thay thế cho tiền giấy trong lưu thông mà rủng quá mức
- C. Cầu tăng, chi phí không đổi



- D. Cả a, b, c

Câu 259: Tiền làm phương tiện thanh toán:

- A. Đo lường giá trị
- B. Trả nợ, nộp thu
- C. Phương tiện mua hàng
- D. Đo lường giá trị các hàng hóa

Câu 260: Tiền làm chức năng tiền tệ tho' giới:

- A. Ph'ng tiền mua hàng
- B. Di chuyển của c'oi
-  C. Thanh toán qu'c t'oi
- D. a, b, c 'u' đúng

Câu 261: Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên t'c ngang giá. Điều này 'u'c hi'u là:

- A. Giá c'oi của t'ng hàng hóa luôn luôn b'ng giá tr' của nó
-  B. Giá c'oi có th' tách r'ii giá tr' và xoay quanh giá tr'
- C. T'ng giá c'oi > t'ng giá tr'
- D. C'oi a, b, c

Câu 262: Giá c'oi của hàng hóa 'u'c quy't định b'ii:

- A. Tình tr'ng 'u'c quy'ii
- B. S'ic mua của t'oi
- C. Cung , c'oi
-  D. Giá tr' hàng hóa

Câu 263: S'ic tác 'u'ng của cung và c'oi làm cho:

- A. Giá c'oi < h'ii giá tr'
- B. Giá c'oi > h'ii giá tr'
-  C. Giá c'oi v'iiii 'u'ng xoay quanh giá tr'
- D. Giá c'oi = giá tr'

Câu 264: Quan h'ii gi'ia giá c'oi và giá tr' của hàng hóa là :

- A. Giá tr' là c'oi s'ic của giá c'oi, là y'iu t'oi quy't định của giá c'oi
- B. Giá c'oi là hình th'c bi'uu hi'ii b'ng t'oi của giá tr'
- C. Giá c'oi còn ch'iu 'iih h'iiii c'oi cung – c'oi, giá tr' của t'oi
-  D. C'oi 3 câu trên

Câu 265: Tác 'u'ng quy lu't giá tr' là :

- A. Điều t'ii s'ii xu'it, lưu thông hàng hóa
- B. Kích thích c'oi t'oi công ngh'
- C. Phân hóa nh'ii ng'ii s'ii xu'it thành ng'ii giàu ng'ii nghèo
-  D. C'oi a, b, c 'u' đúng

Câu 266: Điều ki'ii s'ic lao 'u'ng tr' thành hàng hoá :

- A. Có quy'ii s'ii h'iiu năng l'ic lao 'u'ng của mình.
-  B. T'oi do v'ii thân th'oi và không có t'oi l'iiu s'ii xu'it.
- C. Muốn lao 'u'ng 'u' có thu nh'ip
- D. Có quy'ii bán s'ic lao 'u'ng của mình cho ng'ii khác

Câu 267: Điều kiện quy định định nhất định tiền tệ biến thành tiền bản là gì?



- A. Số lao động biến thành hàng hóa
- B. Số lao động biến thành tiền bản
- C. Tiền tệ vẫn đứng theo công thức $H - T - H'$
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 268: Đặc trưng của thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hoá số lao động:

- A. Là nguồn gốc của giá trị thặng dư.
- B. Là quá trình lao động.
- C. Thỏa mãn nhu cầu của người lao động.
- D. Tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó.



Câu 269: Thuộc tính giá trị hàng hoá số lao động được đo bằng :



- A. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất số lao động.
- B. Giá trị tiền lương sinh hoạt để nuôi sống công nhân.
- C. Giá trị tiền lương sinh hoạt để nuôi sống gia đình công nhân.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 270: Để tái sản xuất số lao động, cần phải có những vật phẩm tiêu dùng sau:

- 1) Sản phẩm ăn uống: 5 USD / ngày
- 2) Để dùng gia đình: 730 USD/ năm
- 3) Quần áo giày dép dùng cá nhân: 182,5 USD/ năm
- 4) Những đồ dùng lâu bền: 14.600 USD/ 20 năm
- 5) Thỏa mãn nhu cầu văn hóa 15 USD/ tháng

Hãy xác định giá trị số lao động trong 1 ngày?



- A. 10 USD
- B. 5 USD
- C. 20 USD
- D. 25 USD

Câu 271: Bản chất của tiền công trong CNTB là :



- A. Giá cả của hàng hóa số lao động
- B. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa
- C. Giá trị của lao động
- D. Giá cả của số lao động

Câu 272: Giá trị thặng dư là:



- A. Phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị số lao động do người công nhân làm thuê tạo ra
- B. Giá trị của tiền bản tệ tăng lên
- C. Lợi nhuận thu được của người sản xuất kinh doanh
- D. Hiện số giá trị hàng hóa với chi phí sản xuất tiền bản tệ nghĩa

Câu 273: Hình thức nào không phải biểu hiện của giá trị thặng dư?



- A. Tiền lương
- B. Lợi tức

- C. Địa tô
- D. Lợi nhuận

Câu 274: Tờ bản bút biên:

- A. Hình thức tiền tệ là máy móc, thiết bị, nhà xưởng, nguyên nhiên vật liệu
- B. Ký hiệu là C
- C. Chuyển nguyên vốn giá trị vào sổ phẩm
-  D. Tất cả đều đúng

Câu 275: Phân chia tờ bản thành tờ bản bút biên và tờ bản kho biên như:

-  A. Xác định vai trò bộ phận tờ bản nào sáng tạo ra giá trị thông dụng.
- B. Xác định thời gian chu chuyển của từng loại tờ bản.
- C. Thu hồi giá trị của từng bộ phận tờ bản.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 276: Tờ bản kho biên là:

- A. Là v
- B. Công nhân tiêu dùng vào mục đích cá nhân
- C. Tiền tệ dưới hình thức tiền lũng
-  D. Tất cả đều đúng

Câu 277: Tuần hoàn của tờ bản công nghiệp là số thông nhất của các hình thái tuần hoàn:

- A. Tờ bản tiền tệ và tờ bản sản xuất
- B. Tờ bản sản xuất và tờ bản hàng hóa
-  C. Tờ bản tiền tệ, tờ bản sản xuất và tờ bản hàng hóa
- D. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 278: Thời gian chu chuyển của tờ bản gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông. Thời gian sản xuất không gồm:

- A. Thời gian lao động
- B. Thời gian gián đoạn lao động
-  C. Thời gian tiêu thụ hàng hóa
- D. Thời gian dè trữ sản xuất

Câu 279: Tỷ suất giá trị thông dụng là:

- A. Tỷ lệ % giữa giá trị thông dụng và tờ bản kho biên
- B. Tỷ lệ thời gian lao động cần thiết và thời gian lao động thông dụng
- C. m'.
-  D. Tất cả các phương án trên đều đúng

Câu 280: Một người lao động trong một ngày sản xuất được 30 sản phẩm có tổng giá trị là 60 USD.

Hỏi: giá trị từng sản phẩm làm ra trong ngày và giá trị của một sản phẩm là bao nhiêu nếu năng suất lao động tăng lên 2 lần.

- A. 45 USD – 2 USD
- B. 30 USD – 4 USD

C. 60 USD – 2 USD



D. 60 USD – 1 USD

Câu 281: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:

A. Sản dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý

B. Kéo dài thời gian lao động tối ưu

C. Tiết kiệm chi phí sản xuất



D. Kéo dài thời gian của ngày lao động, còn thời gian lao động tối ưu không thay đổi

Câu 282: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối:

A. Kéo dài thời gian lao động tối ưu

B. Đòi hỏi của ngày lao động thay đổi



C. Hạ thấp giá trị sức lao động

D. Cả 3 câu trên

Câu 283: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch là :



A. Do tăng năng suất lao động cá biệt

B. Do tăng năng suất lao động của toàn ngành

C. Do tăng năng suất lao động ngành

D. Do tăng năng suất lao động xã hội

Câu 284: Quy luật giá trị thặng dư là?



A. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản

B. Quy luật của toàn bộ xã hội đang của CNTB

C. Quy luật làm tăng mâu thuẫn cơ bản của các nhà tư bản và tăng giá trị cá biệt của hàng hóa

D. Cả 3 câu trên đều sai.

Câu 285: Các khâu của quá trình tái sản xuất :

A. Tái sản xuất ra của cải, vật chất

B. Tái sản xuất ra QHSX, sức lao động

C. Tái sản xuất ra điều kiện tự nhiên và môi trường



D. Tất cả các phương án trên đều sai

Câu 286: Tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu tăng sản phẩm đầu ra như :



A. Tăng hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào

B. Tăng số lượng các yếu tố đầu vào

C. Tăng số lượng máy móc, thiết bị

D. Tất cả các yếu tố trên đều sai.

Câu 287: Xác định đúng trình tự các khâu của quá trình tái sản xuất



A. Sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng

B. Sản xuất – trao đổi – phân phối – tiêu dùng

- C. Trao đổi – tiêu dùng – phân phối – sản xuất
- D. Phân phối – trao đổi – sản xuất – tiêu dùng

Câu 288: Căn cứ vào đâu để phân chia thành tái sản xuất cá biệt và tái sản xuất xã hội?

-  A. Căn cứ vào phạm vi sản xuất
- B. Căn cứ vào nội dung sản xuất
- C. Căn cứ vào tính chất sản xuất
- D. Căn cứ vào tốc độ sản xuất

Câu 289: Tích luỹ tở bản là :

-  A. Biến một phần giá trị thặng dư thành tở bản phụ thêm
- B. Tích luỹ tiền cho nhà tở bản
- C. Qui mô tở bản càng lớn
- D. Tất cả đều sai

Câu 290: Nguồn gốc của tích luỹ tở bản là :

-  A. Giá trị thặng dư
- B. Thặng lợi
- C. Của cải sản có của tở bản
- D. Tài kinh doanh

Câu 291: Tập trung tở bản là :

- A. Làm tăng quy mô của tở bản cá biệt và tở bản xã hội
- B. Làm tăng quy mô của tở bản cá biệt, tở bản xã hội giảm
-  C. Số hợp nhất một số tở bản nhỏ thành một tở bản cá biệt lớn
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 292: Tích tở bản là :

- A. Số hợp nhất một số tở bản nhỏ thành một tở bản cá biệt lớn
- B. Làm tăng quy mô của tở bản cá biệt, tở bản xã hội giảm
-  C. Làm tăng quy mô của tở bản cá biệt và tở bản xã hội
- D. Số tăng thêm quy mô của tở bản cá biệt, tở bản xã hội nhỏ cũ

Câu 293: Chọn đáp án đúng về định nghĩa của tở bản:

- A. Biều hiện tở bản giữa giá trị tở bản sản xuất và giá trị sức lao động
-  B. Của tở bản giá trị do của tở bản kỹ thuật quyết định và phản ánh những biến đổi của của tở bản kỹ thuật
- C. Biều hiện tở bản giữa số lượng tở bản sản xuất và số lượng lao động.
- D. Mọi quan hệ giữa tở bản bất biến và tở bản khả biến.

Câu 294: Lợi nhuận là :

-  A. Hình thái chuyển hoá của giá trị thặng dư.
- B. Chênh lệch giữa giá trị hàng hoá và chi phí tở bản không biến
- C. Tiền công kinh doanh của các nhà tở bản.

D. Do việc mua bán, lưu thông tạo ra.

Câu 295: Chọn đáp án đúng trong các công thức tính giá cả dưới đây:

A. Giá cả hàng hóa = $c + v + m$

B. Giá cả thị trường = $c + v + p$

 C. Giá cả sản xuất = $c + v + p$ (bình quân)

D. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 296: Chọn các ý đúng về tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất giá trị thặng dư:

A. $p' < m'$

B. p' chỉ ra nội dung tài có lợi cho nhà tài bản

C. m' nói lên mức độ bóc lột

 D. Cả 3 câu trên

Câu 297: Tỷ suất lợi nhuận bình quân hình thành:

A. Do cạnh tranh nội bộ ngành.

 B. Do cạnh tranh giữa các ngành sản xuất.

C. Do cạnh tranh thị trường mà có.

D. Do tác động của quy luật kinh tế.

Câu 298: Mâu thuẫn trong công thức chung của tài bản là:

A. Trong lưu thông cung và cầu có sự vận động trái chiều nhau.

B. Biện hiện giá trị của hàng hóa và tiền tài là khác nhau.

 C. Giá trị thặng dư vừa sinh ra trong quá trình lưu thông, lại vừa không thể sinh ra trong quá trình ô-y.

D. Trong sản xuất tài bản đã hình thành sự phân hóa giàu – nghèo.

Câu 299: Tốc độ chu chuyển tài bản tài lệ nghịch với?

A. Thời gian sản xuất

B. Thời gian lưu thông

C. Thời gian cho một vòng chu chuyển

 D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 300: Những nhân tố làm hạ thấp giá trị sức lao động trong chủ nghĩa tài bản?

A. Giảm giá trị những tài liệu sinh hoạt thuộc phạm vi tiêu dùng của công nhân.

B. Tăng năng suất lao động trong các lĩnh vực sản xuất tài liệu sản xuất để phục vụ cho các ngành sản xuất tài liệu tiêu dùng.

C. Tình trạng thất nghiệp tăng là làm cung vượt sức lao động tăng.

 D. Cả a và b đều đúng.

Câu 301: Mọi quan hệ giữa tiền lệ đồng thực tài và chỉ số giá tiêu dùng:

A. Tài lệ thuận.

 B. Tài lệ nghịch.

C. Độc lập.

D. Tất cả đều sai.

Câu 302: Khi lạm phát xảy ra số bình hàng đơn vị trong của người lao động như thế nào:

A. Tiền lương không thay đổi.

 B. Tiền lương thực tế giảm.

C. Tiền lương danh nghĩa giảm.

D. Tiền lương thực tế tăng.

Câu 303: Giá trị thông số siêu ngạch là?

A. Giá trị thông số siêu ngạch là phần giá trị thông số thu được do áp dụng công nghệ mới làm cho giá trị cá biệt của hàng hoá thấp hơn giá trị thị trường của nó.

B. Giá trị thông số siêu ngạch là hình thức biến động của giá trị thông số tăng đối vì chúng đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động.

C. Giá trị thông số siêu ngạch là động lực trực tiếp, mạnh mẽ thúc đẩy các nhà tư bản cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất, hoàn thiện tổ chức lao động và tổ chức sản xuất để tăng năng suất lao động giảm giá trị của hàng hoá.

 D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 304: Những nhân tố làm tăng qui mô tích lũy tư bản?

A. Trình độ bóc lột giá trị thặng dư.

B. Năng suất lao động xã hội.

C. Số chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng và quy mô tư bản đang trỗi dậy.

 D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 305: Lợi nhuận thông thường nghiệp là?

 A. Một phần của giá trị thặng dư được sáng tạo ra trong lĩnh vực sản xuất mà nhà tư bản công nghiệp nhượng lại cho nhà tư bản thương nghiệp, để tư bản thương nghiệp bán hàng cho mình.

B. Do nhà tư bản thương nghiệp bán hàng với một giá cao hơn giá thị trường.

C. Do nhà tư bản thương nghiệp kiếm được người bán hàng giá thấp hơn giá thị trường.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 306: Tư bản cho vay là?

 A. Tư bản tiền tệ tạm thời nhàn rỗi mà người cho của nó cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất định để nhận được số tiền lãi nào đó.

B. Lượng giá trị của một nhà tư bản này cho nhà tư bản sử dụng để sản xuất và nhận về một khoản giá trị thặng dư nào đó.

C. Là số tiền mà người mua hàng trả góp cho nhà tư bản trong một định kỳ nhất định.

D. Là lợi tức thu được nhờ sử dụng một lượng tư bản tiền tệ nhàn rỗi cho nhà tư bản khác vay mượn.

Câu 307: Những tác động tích cực của ngân hàng đối với sản xuất?

A. Các nhà tư bản có điều kiện mở rộng sản xuất nhanh chóng hơn,

B. Có điều kiện tổ do di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác dễ dàng hơn,

C. Giảm được chi phí lưu thông, giảm lượng tiền mặt trong lưu thông, đẩy nhanh tốc độ quay vòng của dòng tiền.

 D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 308: Những đặc điểm của tư bản gì?

A. Có thể mang lại thu nhập cho người sở hữu nó.

B. Có thể mua bán được.

C. Số tăng hay giảm giá mua bán của nó trên thị trường không cần có sự thay đổi tương ứng của tất cả bên tham.



D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 309: Khi năng suất lao động tăng, tình hình nào dưới đây đúng về giá trị hàng hóa :

A. Giá trị tạo ra với một đơn vị thời gian không đổi.

B. Giá trị tạo ra với một đơn vị thời gian tăng.



C. Giá trị tạo ra với một đơn vị thời gian giảm.

D. Giá trị tạo ra trong một đơn vị sản phẩm không đổi.

Câu 310: Bản chất của tất cả là:

A. Tiền.

B. Giá trị thông dụng.

C. Giá trị mang lại giá trị thông dụng cho nhà sản xuất.



D. Là quan hệ sản xuất xã hội biểu hiện mối quan hệ giữa các nhà sản xuất hàng hóa.

Câu 311: Tỷ suất giá trị thông dụng là:

A. Tỷ lệ % giữa giá trị thông dụng và tất cả bên tham.

B. Tỷ lệ thời gian lao động cần thiết và thời gian lao động thông dụng.

C. m'.



D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 312: Những đặc điểm của bản chất của chủ nghĩa tư bản được quy định?

A. Tập trung sản xuất và các tổ chức được quy định; hình thành thị trường tiền tệ; Xuất khẩu lao động; Sự phân chia thị trường giữa các tổ chức được quy định; Sự phân chia thị trường giữa lãnh thổ giữa các công quốc độc lập.



B. Tập trung sản xuất và các tổ chức được quy định; Tỷ bản tài chính và bản đầu tư tài chính; Xuất khẩu tất cả; Sự phân chia thị trường giữa lãnh thổ giữa các công quốc độc lập.

C. Sự phát triển khoa học công nghệ; Tỷ bản tài chính và bản đầu tư tài chính; Xuất khẩu tất cả; Sự phân chia thị trường giữa lãnh thổ giữa các tổ chức được quy định; hình thành các cuộc chiến tranh thị trường.

D. Tập trung sản xuất và các tổ chức được quy định; Tỷ bản tài chính và bản đầu tư tài chính; Toàn cầu hóa; Sự phân chia các ngành sản xuất giữa các tổ chức được quy định; Sự phân hóa thị trường giữa lãnh thổ giữa các công quốc độc lập.

Câu 313: Trong hình thức tổ chức được quy định Các-ten, các nhà sản xuất tham gia vào được lập ra:

A. Tổ chức và quản lý.



B. Sản xuất và thị trường nghiệp.

C. Thu nhập mua dịch.

D. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng hàng hóa.

Câu 314: Mục đích của hình thức được quy định xanh-đi-ca là?



A. Thống nhất đầu mối mua và bán đồ mua nguyên liệu với giá rẻ, bán hàng hóa với giá đắt nhằm thu lợi nhuận được quy định cao.

B. Ký hiệp nghị thỏa thuận với nhau về giá cả, quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán...

C. Lợi ích các đối thủ cạnh tranh trong một ngành sản xuất.

D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 315: Các chủ thể tham gia vào công-xoóc-xi-om liên quan với nhau về nội dung gì?

A. Ngành nghề sản xuất.



- B. Kinh tế và kỹ thuật .
- C. Đúc điểm chính trị.
- D. Cả ba đáp án đều sai.

Câu 316: Quá trình nào là nguyên nhân cho sự hình thành thị trường tài chính?

- A. Lượng tiền trong lưu thông hàng hóa quá lớn.
- B. Xuất hiện một số nhà tài trợ tiền mặt lượng tài sản tiền tệ rất lớn.



- C. Quá trình tích tụ và tập trung trong công nghiệp dẫn đến tích tụ và tập trung thị trường trong ngân hàng, làm cho hai loại thị trường này dung hợp và thâm nhập lẫn nhau.
- D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 317: Sự ra đời của chế độ nghĩa thị trường được quy định nhà nước nhằm mục đích gì?



- A. Phức tạp lợi ích của các thị trường được quy định và cứu nguy cho chế độ nghĩa thị trường.
- B. Giúp nhà nước thu tóm lợi nhuận của các nhà tài trợ.
- C. Phát triển tính xã hội hóa quan hệ sản xuất thị trường chế độ nghĩa.
- D. Tạo ra công cụ mới giúp chế độ nghĩa thị trường chống lại sự lộn mớ của hệ thống xã hội chế độ nghĩa.

Câu 318: Những biểu hiện của chế độ nghĩa thị trường được quy định nhà nước?

- A. Sự kết hợp với con người giữa các thị trường được quy định và bộ máy nhà nước.
- B. Sự hình thành và phát triển của sự hữu nhà nước.
- C. Sự can thiệp của nhà nước vào các quá trình kinh tế.



- D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 319: Những hạn chế của chế độ nghĩa thị trường?

- A. Làm tăng mâu thuẫn giữa các nước chậm phát triển bị lệ thuộc với những nước đã quốc.
- B. Sự bất bình đẳng và các thị trường xã hội vốn tiền tệ một cách phổ biến, sự suy thoái về văn hóa, đạo đức ngày càng trầm trọng.
- C. Phân cực giàu nghèo và tình trạng bất công xã hội tăng lên.



- D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 320: Đóng góp quan trọng nhất của chế độ nghĩa thị trường đối với sự phát triển chung về kinh tế - xã hội?

- A. Duy trì và phát triển chế độ thị trường hữu lên đỉnh cao.



- B. Thúc đẩy trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- C. Xây dựng nhà nước pháp quyền thị trường quản lý xã hội.
- D. Thúc đẩy nền khoa học của nhân loại phát triển nhanh chóng.

Câu 321: Nguyên nhân ra đời của CNTB được quy định là:

- A. Do cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- B. Do sự can thiệp của nhà nước thị trường



- C. Do sự tập trung sản xuất đời sống tác động của cách mạng-khoa học-công nghệ
- D. Cả a, b và c

Câu 322: Chế độ nghĩa thị trường được quy định là :

- A. Giai đoạn phát triển cao của Chế độ nghĩa thị trường



- B. Một Phông thức sản xuất
- C. Một hình thái kinh tế xã hội
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 323: Mối quan hệ giữa độc quyền và cạnh tranh là :



- A. Làm cho cạnh tranh gay gắt hơn
- B. Thúc đẩy cạnh tranh
- C. Cạnh tranh giảm đi
- D. Các phương án trên đều sai

Câu 324: Xuất khẩu tở bản là :

- A. Xuất khẩu khoa học công nghệ.
- B. Xuất khẩu lao động
- C. Xuất khẩu hàng hóa



- D. Đầu tư tở bản ra nước ngoài

Câu 325: Xuất khẩu hàng hóa là:

- A. Đưa hàng hóa ra nước ngoài
- B. Đưa hàng hóa ra bán ở nước ngoài để thực hiện giá trị
- C. Xuất khẩu giá trị ra nước ngoài
- D. Cả a, b và c



Câu 326: Mục đích của xuất khẩu tở bản là:



- A. Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở nước nhập khẩu tở bản
- B. Để giải quyết nguồn tở bản “thừa” trong nước
- C. Giúp đỡ các nước nhập khẩu tở bản phát triển
- D. Chiếm các nguồn lợi khác của nước nhập khẩu tở bản

Câu 327: Hình thức xuất khẩu chủ yếu của CNTB hiện nay là:



- A. Xuất khẩu tở bản kết hợp xuất khẩu hàng hóa
- B. Đầu tư trực tiếp kết hợp đầu tư gián tiếp
- C. Đầu tư gián tiếp
- D. Đầu tư trực tiếp

Câu 328: Đầu tư nước ngoài và xuất khẩu tở bản là:

- A. Một hình thức đầu tư, khác nhau về tên gọi
- B. Hai hình thức đầu tư khác nhau
- C. Tên gọi của đầu tư nước ngoài trong những điều kiện khác nhau
- D. Giống nhau về mục đích, khác nhau về phương thức



Câu 329: Vì sao trong CNTB độc quyền cạnh tranh không bị thúc đẩy?

- A. Vì tổ chức được quyền cạnh tranh với các công ty ngoài được quyền
- B. Vì các tổ chức được quyền cạnh tranh với nhau
-  C. Vì cạnh tranh là quy luật khách quan của kinh tế hàng hóa
- D. Vì xí nghiệp trong nội bộ tổ chức được quyền cạnh tranh với nhau

Câu 330: Trong giai đoạn CNTB được quyền có những hình thức cạnh tranh nào?

- A. Cạnh tranh giữa tổ chức được quyền với xí nghiệp ngoài được quyền
- B. Cạnh tranh giữa các tổ chức được quyền với nhau
- C. Cạnh tranh trong nội bộ tổ chức được quyền
-  D. Cả a, b và c

Câu 331: Biểu hiện của quy luật giá trị trong giai đoạn CNTB được quyền:

- A. Quy luật giá trị vận hành đồng
- B. Quy luật giá trị không còn hoạt động
- C. Quy luật giá trị hoạt động kém hiệu quả
-  D. Quy luật giá trị lúc hoạt động, lúc không lúc hoạt động

Câu 332: Mọi quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trong thời kỳ CNTB được quyền:

- A. Đối song của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dần dần được cải thiện hơn
-  B. Mâu thuẫn trên ngày càng sâu sắc hơn
- C. Mâu thuẫn có phần dịu đi
- D. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản không thay đổi

Câu 333: Phạm trù nào được coi là xuất phát điểm của CNXHKKH?

- A. Giai cấp công nhân
-  B. Sổ minh lịch sổ của giai cấp công nhân
- C. Chuyên chính vô sản
- D. XHCN

Câu 334: Mục tiêu cách mạng cuối cùng của giai cấp công nhân là:

- A. Giành chính quyền
-  B. Giải phóng con người, giải phóng xã hội
- C. Đánh đổ CNTB
- D. Cả a, b, c

Câu 335: C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa vào những phát kiến nào để xây dựng luận chứng về sổ minh lịch sổ của giai cấp công nhân?

- A. CNXH không từng phê phán
-  B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư
- C. Triết học cổ điển Đức và kinh tế chính trị học cổ điển Anh
- D. Cả a, b và c

Câu 336: Xét về phương thức lao động, phương thức sản xuất, giai cấp công nhân mang thuộc tính cơ bản nào?

- A. Có số lượng đông nhất trong dân cư
- B. Là giai cấp tạo ra của cải vật chất làm giàu cho xã hội chủ nghĩa
-  C. Là giai cấp trực tiếp vận hành máy móc có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại.
- D. Cả a, b và c

Câu 337: Xét trong quan hệ sản xuất TBCN giai cấp công nhân là:

- A. Giai cấp nghèo khổ nhất
-  B. Giai cấp không có tài liệu sản xuất, đi làm thuê cho nhà tư bản, bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư
- C. Giai cấp có số lượng đông trong dân cư
- D. Cả a, b và c đều đúng

Câu 338: Nội dung sơ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

- A. Xóa bỏ chế độ TBCN, xóa bỏ chế độ ngạo ngược bóc lột ngạo ngược
- B. Giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột nghèo nàn lạc hậu.
- C. Xây dựng xã hội CSCN văn minh
-  D. Cả a, b và c đều đúng

Câu 339: Quy luật chung hình thành Đảng cộng sản, đảng của giai cấp công nhân là:

- A. Chủ nghĩa Mác kết hợp với phong trào công nhân
-  B. Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân
- C. Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước
- D. Cả a, b và c

Câu 340: Điện tử còn thiếu vào chỗ trống: ĐCS VN ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, với phong trào công nhân và nước ta vào những năm cuối thập kỷ 30 của thế kỷ XX.

- A. Chủ nghĩa yêu nước
- B. Truyền thống yêu nước
-  C. Phong trào yêu nước
- D. Truyền thống dân tộc

Câu 341: Quy luật hình thành và phát triển của ĐCS VN

- A. Chủ nghĩa Mác, Tồn tại H Chí Minh và phong trào công nhân
- B. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tồn tại H Chí Minh và phong trào công nhân
-  C. Chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước
- D. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tồn tại H Chí Minh, phong trào công nhân và phong trào yêu nước

Câu 342: Giai cấp công nhân là giai cấp tri thức cách mạng bởi vì:

- A. Xóa bỏ CNTB và xây dựng CNXH
- B. Là giai cấp không có tài liệu sản xuất
- C. Là giai cấp cùng khổ nhất trong xã hội
-  D. Là giai cấp đi đầu cho phong trào sản xuất tiên tiến nhất trong lịch sử, thực hiện xóa bỏ mọi chế độ tàn bạo

Câu 343: “Chìa khóa vàng” để giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện có hiệu quả sơ mệnh lịch sử của mình ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

-  A. “Trí thức hóa công nhân”
- B. “Tự biến hóa công nhân”
- C. Nâng cao đạo đức cách mạng
- D. Sự quản lý của nhà nước XHCN.

Câu 344: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội khi nền kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế thì:

- A. Giai cấp công nhân hoàn toàn không bị bóc lột.
- B. Giai cấp công nhân vẫn bị bóc lột nặng nề.
-  C. Còn một bộ phận công nhân làm thuê bị bóc lột.
- D. Chỉ một bộ phận công nhân làm thuê cho tư bản nước ngoài.

Câu 345: Sự thâm nhập của Chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân tốt yếu đến đến :

- A. Phong trào công nhân chuyển từ tự phát sang tự giác.
- B. Phong trào lớn mạnh không ngừng.
-  C. Sự ra đời Đảng của giai cấp công nhân.
- D. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 346: Nhân tố chủ quan hàng đầu quyết định để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi là?

- A. Đội đoàn kết dân tộc.
- B. Đoàn kết các giai cấp.
-  C. Phải có Đảng Cộng sản.
- D. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 347: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của :

- A. Giai cấp công nhân Việt Nam.
- B. Nhân dân lao động.
-  C. Giai cấp công nhân, NDLD và của dân tộc Việt Nam.
- D. Của tầng lớp trí thức Việt Nam.

Câu 348: Luận điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam là “Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam”, nhằm :

- A. Xác định vị thế cầm quyền của Đảng.
-  B. Xác định bản chất giai cấp của Đảng.
- C. Xác định chức năng của Đảng.
- D. Xác định vai trò của Đảng.

Câu 349: Bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở :

- A. Sự trong sạch viên trong Đảng.
- B. Trình độ đảng viên trong Đảng.
-  C. Nền tảng lý luận, mục tiêu, đường lối, nguyên tắc tổ chức của Đảng.
- D. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 350: Nói đến chất lượng giai cấp công nhân là nói đến :

- A. Trình độ khoa học công nghệ.
- B. Trình độ giác ngộ lý luận chính trị
- C. Trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỹ thuật lao động.



D. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 351: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khái niệm giai cấp công nhân được hiểu là:

A. Những người làm thuê trong các xí nghiệp công nghiệp.



B. Sản phẩm của nền đại công nghiệp tạo nên chủ nghĩa, đại diện cho lực lượng sản xuất hiện đại và phương thức sản xuất tiên tiến.

C. Đại diện cho lực lượng sản xuất hiện đại và phương thức sản xuất tiên tiến.

D. Những người phải bán sức lao động để kiếm sống

Câu 352: Những đặc trưng của giai cấp công nhân đối với chủ nghĩa xã hội?

A. Là những người không có tư liệu sản xuất (chủ yếu), phải làm thuê, bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

B. Có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản.

C. Là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để, có tinh thần quốc tế, tinh thần đoàn kết giai cấp và có tính tổ chức kỷ luật cao. Có hệ tư tưởng riêng của giai cấp của mình là chủ nghĩa Mác-Lênin và có Đảng tiên phong của giai cấp của mình đó là Đảng Cộng sản.



D. Cả ba đặc điểm trên.

Câu 353: Đặc trưng của giai cấp công nhân hiện đại?

A. Họ không chỉ bao gồm những người lao động làm thuê (ở các nước tư bản) mà một bộ phận không nhỏ trở thành làm chủ, nắm quyền lãnh đạo xã hội (ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa)

B. Họ không chỉ bao gồm những người lao động chân tay, trực tiếp điều khiển máy móc cơ khí mà còn là những người lao động sản xuất với trình độ trí tuệ cao (công nhân - trí thức) nghiên cứu sáng chế.

C. Họ không chỉ là những người lao động công nghiệp trực tiếp tạo sản phẩm cho xã hội mà còn là những người lao động trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, lao động của họ gắn liền với sản xuất công nghiệp, có tính chất công nghiệp.



D. Bao gồm cả ba đặc trưng trên.

Câu 354: Sơ minh lịch sử của một giai cấp trong xã hội là gì?

A. Là cuộc chiến đấu chống lại sự áp bức bóc lột.

B. Là sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.

C. Là toàn bộ những nhiệm vụ mà lịch sử giao phó cho một giai cấp để nó thực hiện bước chuyển cách mạng từ một hình thái kinh tế - xã hội đến một hình thái kinh tế xã hội mới cao hơn tiến bộ hơn.



D. Cả ba sơ minh trên.

Câu 355: Nội dung đầu tiên mà giai cấp công nhân phải thực hiện trong sơ minh lịch sử của mình là ...

A. Thành lập ra các tổ chức cách mạng để tập trung sức minh nhân dân.

B. Xây dựng cơ cấu tổ chức nhân sự lãnh đạo cho chính quyền tương lai.



C. Xóa bỏ chính quyền của chủ nô, áp bức và bóc lột, giành lấy chính quyền, giải tán nhà nước của chủ nô cũ, xây dựng chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

D. Tranh thủ sự ủng hộ của các nước đồng minh trên thế giới.

Câu 356: Nội dung cơ bản mà giai cấp công nhân phải thực hiện trong sơ minh lịch sử của mình là ...

A. Tổ chức ra quân đấu tranh để xóa bỏ mọi âm mưu khôi phục lại chính quyền của chủ nô cũ.

B. Thực hiện việc thu hồi các cơ sở kinh tế của chủ nô cũ để ngăn chặn sự phục hồi chủ nô hủu.

C. Thiệt lập các quan hệ ban giao với các nước phe xã hội chủ nghĩa để được viện trợ về kinh tế.



D. Thông qua Đường tiên phong, giai cấp công nhân lãnh đạo và tổ chức nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền, bảo vệ đất nước. Đồng thời tổ chức xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của đời sống, để từng bước hình thành xã hội xã hội chủ nghĩa và công sản chủ nghĩa trên thực tế ở mọi nước và trên toàn thế giới.

Câu 357: Địa vị kinh tế - xã hội đã tạo nên những điều kiện khách quan nào quy định cho sự minh lịch sử của giai cấp công nhân?

- A. Họ là bộ phận quan trọng và cách mạng nhất trong các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất của xã hội tư bản.
- B. Họ đời diên cho lực lượng sản xuất tiên tiến và có trình độ xã hội hóa cao.
- C. Do bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư, họ bị bóc lột nặng nề và tàn khốc, nên họ có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản.



D. Cả ba điều kiện trên.

Câu 358: Đặc điểm chính trị - xã hội đã tạo nên những điều kiện khách quan nào quy định cho sự minh lịch sử của giai cấp công nhân?

- A. Do môi trường sống và làm việc mà giai cấp công nhân có trình độ trí tuệ trên các lĩnh vực ngày càng cao. Vì vậy giai cấp công nhân có họ tố năng lực và thông qua chính đường của mình, giai cấp công nhân có khả năng tổ chức, lãnh đạo các giai cấp, tầng lớp khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản
- B. Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng toàn diện và triệt để nhất, cuộc đấu tranh của họ không chỉ để tự giải phóng mình mà còn giải phóng toàn xã hội. đồng thời, do có bản chất quốc tế nên giai cấp công nhân có khả năng đoàn kết lợi ích thực hiện mục tiêu chung: xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công để xây dựng CNXH và CNCS trên phạm vi toàn thế giới.
- C. Do được tôi luyện trong môi trường công nghiệp nên giai cấp công nhân có tinh thần kỷ luật cao.



D. Cả ba đặc điểm trên.

Câu 359: Những mâu thuẫn nào trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã là điều kiện khách quan qui định sự minh lịch sử của giai cấp công nhân?

- A. Mâu thuẫn giữa số giàu có với số nghèo khổ.
- B. Mâu thuẫn giữa dân chủ và độc tài.



C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản; giữa lực lượng sản xuất có tính xã hội hóa cao với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và thể chế sản xuất.

D. Cả ba mâu thuẫn trên.

Câu 360: Những nhân tố chủ quan cơ bản nào để giai cấp công nhân thực hiện sự minh lịch sử của mình?

- A. Bản thân giai cấp công nhân phải trở thành với một số lượng cũng như với một chất lượng: có trình độ văn hóa, khoa học công nghệ, tay nghề ngày càng cao; giác ngộ về chủ nghĩa Mác-Lênin; có lập trường giai cấp vững vàng; thực sự đi đầu trong quá trình sản xuất hiện đại, xây dựng và bảo vệ CNXH.
- B. Đường tiên phong của giai cấp công nhân (Đảng Cộng sản) phải luôn luôn được xây dựng, củng cố, phát triển, vững vàng về chính trị (đường lối cách mạng), về tư tưởng (chủ nghĩa Mác-Lênin) và về tổ chức
- C. c. Giai cấp công nhân và Đảng của nó phải là trung tâm đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, có ý chí, nhún nhường và hành động phải thống nhất.



D. Cả ba nhân tố trên.

Câu 361: Trí thức được quan niệm là:

- A. Một giai cấp
-  B. Một tầng lớp
- C. cá nhân
- D. Cả a, b đều đúng

Câu 362: Điền từ vào chỗ trống : “Văn độnhất định là văn độ cơ bản của mọi cuộc cách mạng”.

- A. Chính đảng
- B. Kinh tế



C. Chính quyền

D. Lực lượng cách mạng.

Câu 363: Điền từ vào chỗ trống:

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, v.v. để xây dựng thành công CNXH và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.



A. Cải biến

B. Xây dựng

C. Hoàn thiện

D. Cải cách

Câu 364: Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:



A. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

B. Do sự phát triển của lực sản xuất

C. Do sự phát triển của giai cấp công nhân

D. Giai cấp tư sản đã trở thành giai cấp phản động

Câu 365: Tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa có mấy giai đoạn?

A. Một



B. Hai

C. Ba

D. Bốn

Câu 366: Điều kiện chủ quan có vai trò quyết định nhất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa

A. a. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trở nên chủ nghĩa.

B. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.



C. Sự trưởng thành của giai cấp CN, đặc biệt khi nó đã có đường tiên phong lãnh đạo.

D. Giai cấp CN, liên minh đặc biệt với giai cấp ND

Câu 367: Điều kiện để thực hiện sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới lên cách mạng xã hội chủ nghĩa là gì?

A. Đảng Cộng sản giữ vai trò lãnh đạo.

B. Liên minh công - nông đặc biệt cũng cố và tăng cường.

C. Chính quyền của công nhân và nông dân đặc biệt tập trung lên làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản



D. Cả a, b và c

Câu 368:) Cách mạng XHCN do giai cấp nào lãnh đạo?

A. Giai cấp CN, giai cấp ND

B. Giai cấp CN, giai cấp ND, tầng lớp trí thức



C. Giai cấp CN

D. Giai cấp CN, giai cấp TS, giai cấp ND

Câu 369: Mục tiêu cuối cùng của CM XHCN là gì?

A. Xóa bỏ chế độ tư hữu



B. Giải phóng con người, giải phóng xã hội

- C. Giành chính quyền và tay giải cấp công nhân
- D. Xóa bỏ chế độ TBCN

Câu 370: Cách mạng XHCN lần đầu tiên nổ ra và thắng lợi ở đâu?

- A. Pháp
- B. Việt Nam
-  C. Nga
- D. Trung Quốc

Câu 371: Mô hình đầu tiên của chuyên chính vô sản là?

-  A. Công xã Paris
- B. Nhà nước Xôviết
- C. Nhà nước dân chủ nhân dân
- D. Nhà nước XHCN

Câu 372: Cuộc cách mạng vô sản khác với các bên so với các cuộc cách mạng trước đó trong lịch sử:

- A. Theo tiêu chí thắng lợi của giai cấp thống trị phản động
- B. Theo tiêu chí hữu tư – nhân nói chung
-  C. Theo tiêu chí đấu tranh và hữu tư – lợi ích sản xuất
- D. Theo tiêu chí Nhà nước tư – sản

Câu 373: Xét đến cùng, thắng lợi của cách mạng XHCN là?

- A. Cuộc cách mạng chính trị.
-  B. Cuộc cách mạng có tính chất kinh tế.
- C. Cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng.
- D. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

Câu 374: Ai là người đầu tiên đưa ra khái niệm cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới?

- A. C. Mác
- B. Ph.Ăngghen
- C. C.Mác và Ph.Ăngghen
-  D. V.I.Lênin

Câu 375:) Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do giai cấp nào lãnh đạo.

- A. Giai cấp tư sản
-  B. Giai cấp công nhân
- C. Tầng lớp trí thức
- D. Giai cấp nông dân

Câu 376: Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin:

- A. Là cuộc chính biến nhằm xóa bỏ quyền thống trị chính trị của giai cấp tư sản, để xây dựng một nền chính trị mới do giai cấp công nhân làm chủ.
- B. Là quá trình xóa bỏ tình trạng bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp tư sản đối với người lao động.

C. Là quá trình xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và mọi chế độ tước đoạt nói chung, thiết lập một xã hội công bằng, bình đẳng, mọi người đều có quyền làm chủ đối với tư liệu sản xuất.



D. Là quá trình cải biến một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống nhằm thay thế chế độ xã hội cũ, nhất là chế độ TBCN bằng chế độ XHCN và CSCN. Trong cuộc cách mạng đó giai cấp công nhân là người lãnh đạo cùng với quần chúng nhân dân lao động xây dựng một xã hội công bằng dân chủ và văn minh.

Câu 377: Nguyên nhân cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa?



A. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hóa cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN và tư liệu sản xuất.

B. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nhân dân lao động với giai cấp tư sản và các giai cấp thống trị trong các xã hội có phân chia giai cấp.

C. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc, mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc.

D. Cả ba nguyên nhân trên.

Câu 378: Những điều kiện khách quan của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa:

A. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã tạo ra một đội ngũ công nhân càng nhiều và số lượng, càng ngày càng nâng cao và một chút ít.

B. Đòi hỏi được lợi nhuận ngày càng cao, giai cấp tư sản một mặt một đầu tư phát triển công nghệ kỹ thuật cao dần dần tình trạng thất nghiệp của công nhân ngày càng gia tăng. Điều đó làm mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ngày càng gay gắt.

C. Với khát vọng giàu có và quyền lực giai cấp tư sản đã tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược các nước khác và hậu quả là những nguồn tài nguyên của những quốc gia này ngày càng cạn kiệt, đời sống nhân dân của các nước thuộc địa và phụ thuộc càng lúc càng lâm vào cảnh khốn cùng. Mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với đế quốc càng trở nên gay gắt.



D. Cả ba điều kiện trên.

Câu 379:) Điều kiện chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa:

A. Trên cơ sở giác ngộ hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, giai cấp công nhân nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình là xóa bỏ trật tự của chế độ TBCN, thiết lập nên chế độ XHCN.

B. Đội chủ chế độ TBCN giai cấp công nhân có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp nông dân, trí thức và quần chúng nhân dân lao động. Điều này đã tạo điều kiện cho giai cấp công nhân có khả năng tập hợp các giai cấp vào cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

C. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân thể hiện ở chỗ nó tự xây dựng nên một chính đảng cho mình đó là Đảng Cộng sản.,



D. Cả ba điều kiện trên.

Câu 380: Các giai đoạn của cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Giai cấp công nhân tập trung lực lượng đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền.

B. Thiết lập chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

C. Giai cấp công nhân sở dụng chính quyền của mình, đội sự lãnh đạo của Đảng tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực.



D. Bao gồm ba giai đoạn trên.

Câu 381: Mục tiêu giai đoạn đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là...

A. Xây dựng nền dân chủ.

B. Xóa bỏ chế độ ngạo béc lột bóc lột.

C. Tập trung quyền lực vào tay giai cấp cách mạng.



D. Gánh lấy chính quyền vào tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Câu 382: Mục tiêu giai đoạn hai của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là...

A. Triệt thoái các cơ sở của chế độ cũ.

B. Thực hiện liên minh giai cấp.

-  C. Xóa bỏ chế độ ngụy quyền bóc lột ngụy quyền nhằm đưa lại đời sống ấm no cho toàn dân.
- D. Xây dựng tổ chức Đảng và nhà nước vững mạnh

Câu 383: Đảng thực của cách mạng xã hội chủ nghĩa?

- A. Toàn thể dân tộc.
- B. Thực hiện cách mạng trong nước và ngoài nước
-  C. c. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.
- D. Lực lượng đông minh.

Câu 384: Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chính trị?

- A. Xây dựng nền dân chủ chân chính.
- B. Thiệt lập nhà nước của giai cấp công nhân.
-  C. Đưa quần chúng nhân dân lao động từ địa vị nô lệ, bị áp bức, bóc lột trở thành những người làm chủ nhà nước làm chủ xã hội.
- D. Xác lập quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội, thông qua hoạt động của nhà nước XHCN.

Câu 385: Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế?

- A. Thực hiện triệt để việc cải tạo các cơ sở kinh tế của chế độ cũ.
- B. Thực hiện việc hội nhập kinh tế với các nước trên thế giới để tận dụng các cơ hội phát triển kinh tế. Tăng cường đầu tư nước ngoài để thu hút vốn và công nghệ hiện đại, tích cực giới thiệu quy mô việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- C. Khai thác triệt để các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong nước để thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển kinh tế. Không định đầu tư của phòng thực sản xuất xã hội chủ nghĩa trên bình diện quốc tế.
-  D. Thay đổi vị trí vai trò của người lao động đối với tư liệu sản xuất, thay đổi chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN bằng chế độ sở hữu XHCN với những hình thức thích hợp. Phát huy tính tích cực sáng tạo của người lao động, tích cực áp dụng những thành tựu của khoa học công nghệ để nâng cao năng suất lao động

Câu 386: Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng?

- A. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các giá trị văn hóa truyền thống,
- B. Tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của thời đại
- C. Thực hiện trang bị hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống tinh thần của quần chúng nhân dân lao động. Từng bước xây dựng thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản cho người lao động, hình thành con người mới XHCN
-  D. Cả ba nội dung trên.

Câu 387: Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng XHCN:

-  A. Giai cấp công nhân phải tích cực tham gia vào các cuộc cách mạng dân chủ do giai cấp tư sản lãnh đạo để được tôi luyện và lớn mạnh, những người giữ được tính độc lập của mình để sau đó thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình là xóa bỏ chế độ TBCN xây dựng chế độ xã hội XHCN.
- B. Giai cấp công nhân phải nắm lấy quyền cơ bản trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản, tiến hành cách mạng một cách triệt để, thực hiện chuyển lên cách mạng XHCN.
- C. Giai cấp công nhân cùng với quần chúng nhân dân lao động tiến hành thành công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau đó thực hiện chuyển biến sang cách mạng XHCN.
- D. Tùy theo hoàn cảnh lịch sử xã hội mà thực hiện một trong ba nội dung trên

Câu 388: Những nguyên nhân tốt yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?

- A. Sự áp bức bóc lột của chế độ phong kiến nhà Nguyễn phân động và thời nát đối với nhân dân Việt Nam. Sự xâm lược và nô dịch, áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân Pháp đối với toàn thể dân tộc Việt Nam.
- B. Sự ảnh hưởng của các tư tưởng và các phong trào dân chủ tư sản phương tây. Đột biến là những tư tưởng về giải phóng dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự thông lợi của cuộc cách mạng tháng 10 Nga.
- C. Giai cấp công nhân được hình thành và sớm tiếp thu tinh thần yêu nước của dân tộc, giác ngộ tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nên nhanh chóng trở thành một lực lượng cách mạng tiên phong có thể lãnh đạo

cách mạng Việt Nam..



D. Cả ba nguyên nhân trên.

Câu 389: Những nguyên nhân tốt yếu của sự chuyển biến cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng XHCN ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?

A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của nước ta là cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và toàn thể quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam theo con đường của chủ nghĩa Mác- Lênin.

B. Sau năm 1945 dân tộc ta cần phải huy động được toàn bộ sức mạnh của nhân dân và dân tộc để thực hiện sự nghiệp kháng chiến đối với hai đế quốc lớn là đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ và xây dựng và phát triển đất nước.

C. c. Chủ đề xã hội XHCN là con đường phù hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam và hoàn cảnh đất nước ta, phù hợp với trào lưu tiến bộ của nhân loại.



D. Cả ba nguyên nhân trên.

Câu 390: Các câu xã hội nào có vai trò quan trọng nhất ?

A. Các câu xã hội - nghề nghiệp

B. Các câu xã hội - dân cư

C. Các câu xã hội - dân tộc



D. Các câu xã hội - giai cấp

Câu 391: 334) Trong quá trình xây dựng CNXH, liên minh giữa giai cấp CN, giai cấp ND và tầng lớp trí thức đóng vai trò quyết định?

A. Chính trị



B. Kinh tế

C. Văn hoá

D. Tư tưởng.

Câu 392: Yếu tố nào quyết định sự liên minh giữa giai cấp CN, giai cấp ND và tầng lớp trí thức?

A. Do giai cấp CN mong muốn

B. Do cùng mặt kẻ thù là giai cấp TS



C. Do có những lợi ích cơ bản chung nhất với nhau

D. Do mục đích với chính trị của giai cấp CN

Câu 393: Xu hướng phát triển của câu XH - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ mang tính đa dạng và thống nhất chủ yếu do yếu tố nào quyết định?

A. Do trình phát triển không đồng đều



B. Do nền kinh tế nhiều thành phần

C. Do sự mong muốn của giai cấp CN

D. Cả a, b và c

Câu 394: Trong cách mạng XHCN lớp trình chính trị của liên minh công, nông, trí thức được xác định bởi lớp trình chính trị của giai cấp nào?



A. Giai cấp công nhân.

B. Giai cấp nông dân.

C. Tầng lớp trí thức.

D. Cả cả ba giai cấp trên.

Câu 395: Để thực hiện liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, chúng ta cần phải làm gì?

- A. Tất cả các tuyên truyền giác ngộ số đoàn kết của XH.
- B. Xác định cơ thể và công bằng lợi ích kinh tế của từng giai cấp để làm cơ sở gắn kết.
-  C. Xây dựng từng bước nền dân chủ XHCN. Nhà nước dùng những cơ chế chính sách để liên minh thực hiện.
- D. Tất cả a, b, c đúng

Câu 396: Nội dung kinh tế của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay?

- A. Xác định cơ cấu kinh tế hợp lý.
- B. Phát triển nhiều hình thức hợp tác, giao lưu, liên kết...trong các khâu của quá trình sản xuất giữa các thành viên trong liên minh.
-  C. Từng bước hình thành quan hệ sản xuất XHCN trong quá trình thực hiện liên minh. Đồng thời tăng cường sự quản lý nhà nước đối với việc thực hiện liên minh.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 397: Liên minh giai cấp trong cách mạng XHCN:

- A. Được thực hiện trước và sau khi giành chính quyền.
- B. Là liên minh trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng.
- C. Được thực hiện trên cơ sở thống nhất các lợi ích căn bản của các giai cấp.
-  D. Bao gồm ba đáp án a, b, c.

Câu 398: Cấu trúc cơ bản của mô hình thái kinh tế - xã hội là:

- A. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
-  B. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.
- C. Cơ sở kinh tế và thượng tầng Nhà nước.
- D. Cả a, b và c

Câu 399: Ai là người đưa ra tư tưởng được lập dân tộc gắn liền với CNXH?

-  A. V. I. Lênin
- B. Hồ Chí Minh
- C. Đặng Tiểu Bình
- D. Phạm Văn Đồng

Câu 400: Có mấy hình thức quá độ lên CNXH?

-  A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Cả a, b và c

Câu 401: Hình thái kinh tế xã hội công sản chủ nghĩa bắt đầu và kết thúc khi nào?

- A. Từ khi ĐCS ra đời và xây dựng xong CNXH.
-  B. Bắt đầu từ thời kỳ quá độ lên CNXH cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội công sản.
- C. Bắt đầu từ giai đoạn cao của xã hội công sản và kết thúc ở giai đoạn cao của xã hội công sản
- D. Cả 3 đều không đúng

Câu 402: Thời kỳ quá độ lên CNXH ở trên phạm vi cơ nước có nước ta bắt đầu từ khi nào?

- A. 1945
-  B. 1975
- C. 1954
- D. 1930

Câu 403: Xã hội XHCN mà chúng và nhân dân ta xây dựng có mấy đặc trưng?

- A. 5
- B. 7
- C. 6
-  D. 8

Câu 404: Tại sao cho rằng con đường cách mạng Việt Nam là quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là một tất yếu?

- A. ĐCSVN đã có đường lối đúng đắn
- B. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
-  C. Vì nó phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại
- D. Vì nó đáp ứng được nguyện vọng và mong ước của nhân dân ta

Câu 405: Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

- A. Nhiều thành phần xã hội đan xen tồn tại
- B. Lực lượng sản xuất chưa phát triển
- C. Năng xuất lao động thấp
-  D. Tồn tại nhiều sản xuất nhỏ là phổ biến quá độ lên CNXH không qua chế độ tư – bản chủ nghĩa

Câu 406: Tại sao việc phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay?

- A. Để Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại.
- B. Nâng Việt Nam lên ngang tầm với các nước trên thế giới.
- C. Đảm bảo tuyệt vời nền kinh tế tiểu nông lạc hậu.
-  D. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Câu 407: Dân chủ là gì ?

-  A. Là quyền lực thuộc về nhân dân
- B. Là quyền của con người
- C. Là quyền tự do của mọi người
- D. Là trật tự xã hội

Câu 408: Từ tổng dân chủ xuất hiện khi nào ?

- A. Ngay từ khi có xã hội loài người.
- B. Khi có nhà nước vô sản .
-  C. Khi có nhà nước
- D. Cả a, b và c

Câu 409: So với các nền dân chủ trước đây, dân chủ XHCN có điểm khác biệt cơ bản nào?

- A. Không còn mang tính giai cấp
- B. Là nền dân chủ phi lịch sử.
- C. Là nền dân chủ thuần túy.
-  D. Là nền dân chủ rộng rãi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Câu 410: Điền từ vào chỗ trống :

“Tổ khi có chủ đề dân chủ, thì dân chủ luôn luôn với từ cách là một phạm trù lịch sử, ...”.

- A. Phạm trù tiến bộ.
- B. Chủ đề tốt đẹp.
-  C. Phạm trù chính trị.
- D. Từ tượng trưng đúng đắn.

Câu 411: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Nền ta là nền dân chủ, nghĩa là nền nhà do nhân dân làm chủ, nhân dân có quyền lợi, thì phải có.....làm tròn bổn phận công dân” (HCM)

- A. Trách nhiệm
- B. Trình độ độ
-  C. Nghĩa vụ
- D. Khả năng độ

Câu 412: Bản chất chính trị của nền dân chủ XHCN thể hiện như thế nào?

-  A. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua Đảng của nó đối với toàn XH, thể hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể NDLD, trong đó có giai cấp CN.
- B. Là thể hiện quyền lực của giai cấp CN và nhân dân lao động đối với toàn XH.
- C. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua chính đảng của nó để cải tạo XH cũ và xây dựng XH mới
- D. Cả a,b,c

Câu 413: Sự khác biệt cơ bản của nền dân chủ XHCN với các nền dân chủ của các XH có phân chia giai cấp trong lịch sử nhân loại?

-  A. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của sự đồng, của tất cả quần chúng nhân dân lao động trong XH.
- B. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ có tổ chức đảng công sản lãnh đạo.
- C. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ được thực thi bằng luật pháp nhân dân.
- D. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ phi giai cấp.

Câu 414: Đối nội hệ thống chính trị nước ta hiện nay là:

- A. Đối nội mục tiêu, con đường XHCN
- B. Đối nội nội dung, phương hướng hoạt động, tổ chức cán bộ và quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.
- C. Thay đổi hệ thống tư duy lý luận.
-  D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 415: Tổ chức nào đóng vai trò trò cốt lõi trong hệ thống chính trị nước ta hiện nay?

- A. Đảng CS Việt Nam
-  B. Nhà nước XHCN
- C. Một truyền thống quốc
- D. Các đoàn thể nhân dân

Câu 416: Phim trừ dân chủ được xem xét dưới góc độ nào?



- A. Chính trị
- B. Lịch sử
- C. Văn hoá
- D. Cả a, b và c

Câu 417: Khái niệm “Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa” do tổ chức nào sau đây nêu ra?



- A. Đảng Cộng sản Liên Xô
- B. Đảng Cộng sản Trung Quốc
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Quốc tế cộng sản (Quốc tế III)

Câu 418: Theo Đảng ta cấu trúc cơ bản của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bao gồm:



- A. Đảng cộng sản, nhà nước.
- B. Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức xã hội chính trị.
- C. Đảng cộng sản, nhà nước, hệ thống pháp luật
- D. Cả ba đều đúng

Câu 419: Hệ thống chính trị ở Việt Nam ra đời từ khi nào?



- A. 1930
- B. 1946
- C. 1954
- D. 1975

Câu 420: Chế độ nhất nguyên vô chính trị là :



- A. Chuyên chính vô sản.
- B. Chỉ có một giai cấp và một đảng duy nhất.
- C. Không chia sẻ quyền lực.
- D. Cả a, b, c đều đúng

Câu 421: Trong quá trình đổi mới và thực thi dân chủ của nước ta hiện nay, nhiệm vụ nào được xem là khó khăn, phức tạp, nặng nề nhất hiện nay?



- A. Xóa đói giảm nghèo
- B. Cải cách giáo dục
- C. Chống tham nhũng
- D. Trật tự an toàn giao thông.

Câu 422: Điểm yếu còn thiếu vào chế độ: Nhà nước XHCN vừa có bản chất giai cấp CN, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính.....sâu sắc.



- A. Giai cấp
- B. Nhân đạo
- C. Dân tộc
- D. Công bằng.

Câu 423: Bên chủ của nhà nước XHCN là gì?

- A. Mang bên chủ của giai cấp CN.
- B. Mang bên chủ của đa số NDLD.
-  C. Mang bên chủ của giai cấp CN, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.
- D. Vừa mang bên chủ của giai cấp CN, vừa mang bên chủ của NDLD và tính dân tộc sâu sắc.

Câu 424: Nhà nước pháp quyền XHCN quản lý mọi mặt của đời sống XH chủ yếu bằng gì?

- A. Đường lối, chính sách
-  B. Hiến pháp, pháp luật
- C. Tuyên truyền, giáo dục.
- D. bao gồm a.b.c

Câu 425: Bên chủ kinh tế của nền dân chủ XHCN dựa trên cơ sở nào?

- A. Chế độ chính trị của giai cấp công nhân.
- B. Cơ chế quản lý nền kinh tế XHCN.
-  C. Chế độ công hữu và tổ chức sản xuất chủ yếu.
- D. Bên chủ chính trị XHCN.

Câu 426: Phương hướng cơ bản trong việc cải cách bộ máy hành chính ở Việt Nam hiện nay?

- A. Tổ chức bộ máy một cách chi tiết, bằng cách gia tăng số lượng các cơ quan các cấp để kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh của đời sống.
- B. Tăng số lượng cán bộ công chức các cấp để bao đảm giải quyết nhanh chóng sự vụ cho nhân dân.
-  C. Bố trí lại cơ cấu tổ chức chính phủ tỉnh gòn, năng động và quản lý vĩ mô có hiệu quả hơn.
- D. Đáp án a và b.

Câu 427: Nội dung của quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

- A. Nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo lại cán bộ công chức theo yêu cầu mới của cải cách nhà nước.
- B. Đổi mới việc quản lý cán bộ công chức; sơ dồng, đãi ngộ cán bộ, công chức
- C. Tăng thêm quyền lực cho cán bộ công chức để giúp họ có quyền tự quyết trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống.
-  D. Gồm đáp a và b.

Câu 428: Theo chủ nghĩa Mác - Lênin : chuyên chính vô sản và dân chủ XHCN về căn bản là :

- A. Nhịp nhau.
- B. Không mâu thuẫn.
- C. Đồng nhất
-  D. Thẳng nhất

Câu 429:) Điểm tở vào chủ trương: Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng không thừa tính hợp lý về cơ cấu tổ chức có tính ...của nhà nước dân chủ tở sỏn”.

- A. Dân chủ.
- B. Pháp quyền.
-  C. Tiền bộ.
- D. Xây dựng.

Câu 430: Giũa chức năng bèo lức, trẽn áp và tũ chũc, xây dũng cũa Nhà nũc vô sũn thì chũc năng nào là quan trũng?

- A. Quan trũng nhũ nhau.
-  B. Tũ chũc, xây dũng là chính.
- C. Bèo lức, trẽn áp là chính.
- D. Cũ a, b, c đũu đũng.

Câu 431: Ai là “kiẽn trúc sũ” cũa công cuũc đũi mũi ũ Viũt Nam?

- A. Đũ Mũũũ.
-  B. Nguyũn Văn Linh
- C. Phũm Văn Đũng
- D. Lê Khũ Phiũu.

Câu 432:) Đũn tũ còn thiũu vào chũ trũng trong phát biũu cũa C.Mác: “Cách mũng tũ tũũng và văn hóa là cũn thiũt và tũt yũu đũ thay đũi tinh thũn, làm cho.....tinh thũn cũa XH phù hũp vũ phũũng thũc sũn xũt mũi xũt vũ phũũng diũn kinh tũ đã hình thành”

- A. Đũi sũng
-  B. Phũũng thũc sũn xũt
- C. Văn hóa
- D. Đũi sũng văn hóa

Câu 433: Tũt tũt yũu cũa cách mũng XHCN trẽn lĩnh vũc tũ tũũng và văn hóa là gì?

- A. Xũt phát tũ cuũc đũu tranh giai cũp trẽn lĩnh vũc tũ tũũng và văn hóa trong thũi đũi ngày nay
- B. Xũt phát tũ sũ đũi hũi thay đũi phũũng thũc sũn xũt tinh thũn
-  C. Xũt phát tũ yũu cũu: Văn hóa là mũc tiũu và đũng lũc cũa quá trũnh xây dũng CNXH
- D. Cũ a, b và c

Câu 434: Hũ tũ tũũng XHCN đũũc thũ hiũn tũp trũng ũ đũu?

- A. Hũ thũng chính sách chũ trũũng cũa đũng và nhà nũc XHCN.
- B. Hũ thũng tũ tũũng cũa các cá nhũn trong xũ hũi XHCN.
-  C. Toũn bũ hũ thũng lý luũn cũa chũ nghĩa Mác-Lũnĩn.
- D. Cũ ba đũp ỏn a, b, c.

Câu 435: Vũn đũ cú tũt nguyẽn tũc và là nhũn tũ cú tũt quyũt đũnh đũn cách mũng văn hóa tũ tũũng ũ Viũt nam trong giai đũn hiũn nay đi đũng đũnh hũũng XHCN là:

- A. Giỏo đũc hũ tũ tũũng cũa giai cũp công nhũn.
- B. Nũng cao trũnh đũ dũn trí và đũy mũnh sũ nghiũp giỏo đũc, phát trũĩn khoa hũc công nghũ.
- C. Xây dũng nũn văn hóa tiũn tiũn, đũm dà bũn sũc dũn tũc.
-  D. Tũng cũũng vai trò lũnh đũo cũa đũng Cũũng sũn.

Câu 436: Nũi dũng nũn tũũng và cũ bũn trong sũ nghiũp cách mũng trẽn lĩnh vũc văn hóa tũ tũũng ũ Viũt Nam trong thũi kỳ qua đũ lũn CNXH là :

- A. Xây dũng nũn dũn chũ XHCN.
-  B. Làm cho chũ nghĩa Mác-Lũnĩn và tũ tũũng, đũo đũc Hũ Chĩ Minh giũ vũ trí chũ đũo trong đũi sũng tinh thũn XH.
- C. Bũo tũn nhũũng giá trũ văn hóa truyũn thũũng. Đũũng thũi tiũp thu cú chũn lũc nhũũng tinh hoa văn mũnh cũa nhũn lũũ.

D. Nâng cao trình độ dân trí và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, phát triển khoa học công nghệ.

Câu 437: Trong năm 2007, lễ hội văn hóa nào của nước ta được nhà nước công nhận là quốc lễ và đã được nhân dân đồng tình ủng hộ?

A. Lễ hội chùa Hố.



B. Giỗ tổ Hùng Vương.

C. Tết Nguyên tiêu

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 438: Gia đình là gì?

A. Là một trong những hình thức tổ chức cơ bản trong đời sống cộng đồng của con người.

B. Một thiết chế văn hóa-xã hội đặc thù.

C. Được hình thành, tồn tại và phát triển trên quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục ... giữa các thành viên.



D. Bao gồm a, b, c.

Câu 439: Hôn nhân tiến bộ dựa trên cơ sở nào?

A. Tình yêu

B. Tự nguyện

C. Hôn nhân 1 vợ 1 chồng



D. Cả a, b và c

Câu 440: Điều kiện và tiến độ kinh tế - XH để xây dựng gia đình trong CNXH là gì?



A. Xóa bỏ chế độ hữu, xác lập chế độ công hữu và tiến bộ xã hội.

B. Phát triển kinh tế - XH

C. Nhà nước XHCN ban hành và thực hiện luật hôn nhân và nâng cao trình độ văn hóa và dân trí cho mọi người dân

D. Cả a, b và c

Câu 441: Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở nào?

A. Quy định do kết hôn và ly hôn



B. Tình yêu chân chính

C. Tình cảm nam nữ

D. Kinh tế XHCN

Câu 442: Để thực hiện các quan hệ cơ bản nhất trong gia đình mới XHCN ở Việt Nam cần phải tuân thủ nguyên tắc gì?

A. Đồng lý làm người.

B. Cùng có lợi.

C. Thỏa mãn những nhu cầu tâm sinh lý.



D. Bình đẳng, thống nhất yêu và chia sẻ.

Câu 443: Là một trong những khuynh hướng tiêu cực trong quan hệ tình yêu trong lứa tuổi thanh niên ở nước ta hiện nay?

A. Ly hôn



B. Sống thối

C. Bỏ hành gia đình

D. Đa thể

Câu 444: Quan hệ giữa lợi ích dân tộc với lợi ích của giai cấp công nhân đối với chủ nghĩa xã hội:

A. Là mâu thuẫn

B. Là thống nhất

 C. Là thống nhất và căn bản

D. Đồng nhất với nhau

Câu 445: Khái niệm nào sau đây được dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử trong một lãnh thổ nhất định, có chung mối liên hệ về kinh tế, ngôn ngữ và một nền văn hóa?

A. Bộ tộc

 B. Dân tộc

C. Quốc gia

D. Bộ tộc

Câu 446: Nội dung công lệnh dân tộc của Lênin là:

 A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

B. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng và liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

C. Các dân tộc có quyền tự quyết, các dân tộc có quyền bình đẳng, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

D. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, tự quyết và liên hiệp công nhân các nước.

Câu 447: Điểm nào còn thiếu vào chỗ trống: Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị - XH và.....phát triển dân tộc mình.

A. Cách thức

 B. Con đường

C. Mục tiêu

D. Hình thức

Câu 448: Trong các nội dung của quyền dân tộc tự quyết thì nội dung nào được coi là cơ bản nhất, tiên quyết nhất?

 A. Tự quyết về chính trị

B. Tự quyết về kinh tế

C. Tự quyết về văn hoá

D. Tự quyết về lãnh thổ

Câu 449: Trong một quốc gia đa dân tộc thì vận đề gì còn gọi quyền quyết định được coi là có ý nghĩa cơ bản nhất để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc?.

A. Ban hành hệ thống hiến pháp và pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

B. Chống tư tưởng phân biệt chủng tộc, kì thị chia rẽ dân tộc

C. c. Nâng cao trình độ dân trí, văn hoá cho đồng bào

 D. Xóa bỏ dần sự chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc do lịch sử để lại

Câu 450: Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là:

A. Là sự phân biệt đan xen nhau, không một dân tộc nào có lãnh thổ riêng.

 B. Là sự đoàn kết dân tộc, hoà hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất.

- C. Là có sự chênh lệch về trình độ phát triển KT-XH giữa các dân tộc.
- D. Là các dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, đa dạng, phong phú

Câu 451: Để tăng cường, củng cố khối đoàn kết dân tộc ở nước ta hiện nay thì chính cách cơ thể nào của Đảng và Nhà nước ta được coi là vấn đề cực kỳ quan trọng?

- A. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá của các dân tộc.
- B. Phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc
-  C. c. Phát triển kinh tế hàng hoá ở các vùng dân tộc thiểu số.
- D. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Câu 452: Hiện nay các dân tộc thiểu số ở nước ta có dân số chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm số dân cả nước:

- A. 15%
- B. 13,5%
-  C. 13%
- D. 17%

Câu 453: Tôn giáo hình thành là do:

- A. Trình độ nhận thức
- B. Trong XH có áp bức bóc lột
- C. Tâm lý, tình cảm
-  D. Cả a, b và c

Câu 454: CNXH nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo dưới góc độ nào?

-  A. Góc độ chính trị - XH
- B. Hình thái ý thức XH
- C. Tâm linh - XH
- D. Cả a, b và c

Câu 455: Bản chất của tôn giáo là gì?

- A. Là sự phản ánh hiện thực khách quan và tồn tại xã hội.
- B. Là sự phản ánh thế giới quan của con người đối với XH.
-  C. Là một hình thái ý thức XH nó phản ánh một cách hoang đường huyễn hoặc thế giới hiện thực khách quan vào đầu óc con người. Tôn giáo thể hiện sự bất lực của con người trước tự nhiên và XH.
- D. Cả a, b và c

Câu 456: Nguyên nhân tồn tại tôn giáo trong CNXH:

- A. Nhận thức của con người đối với thế giới khách quan .
- B. Văn hóa, tâm lý của con người
- C. Nguyên nhân kinh tế, chính trị - xã hội
-  D. Cả a, b, c đúng.

Câu 457: Tôn giáo là một phạm trù lịch sử bởi vì:

- A. Là sản phẩm của con người.
- B. Là do điều kiện KT-XH sinh ra.

-  C. Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi trong một giai đoạn lịch sử nhất định của loài người.
- D. Tôn giáo sản sinh ra và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

Câu 458: Khi nào thì tôn giáo mang tính chính trị?

- A. Phản ánh nguyện vọng của nhân dân.
- B. Khi các cuộc đấu tranh tôn giáo nổ ra.
-  C. Khi các giai cấp thống trị đã lợi dụng và sử dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình.
- D. Cả a, b và c

Câu 459: Điểm tiêu còn thiếu vào chỗ trống: tôn giáo là một hình thái ý thức –XH phản ánh một cách hoang đường, huyễn hoặc.....khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo, những sức mạnh tiêu phát trong tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí.

- A. Thực tiễn
-  B. Hiện thực
- C. Điều kiện
- D. Cuộc sống

Câu 460: Giữa CN Mác-Lênin và học thuyết tôn giáo khác nhau ở điểm nào?

-  A. Khác nhau về thế giới quan
- B. Khác nhau về nhân sinh quan
- C. Khác nhau ở con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân
- D. Cả a, b và c

Câu 461: Đức trình bày yêu cầu của ý thức Tôn giáo?

- A. Sự phản kháng đối với bất công xã hội.
-  B. Niềm tin vào sự tồn tại của các đấng siêu nhiên thần thánh.
- C. Khát vọng được giải thoát.
- D. Phản ánh không đúng hiện thực khách quan

Câu 462: Đại lễ Phật đản liên hiệp quốc 2008 tổ chức tại Việt Nam có tên gọi là gì?

-  A. Vesak
- B. Sevak
- C. Vekas
- D. Sekav

Câu 463: Một trong những khuynh hướng tích cực của hoạt động tôn giáo ở nước ta hiện nay?

- A. Truy cập bá chủ trình độ chính sách của đảng và nhà nước ta.
-  B. Tắt đời đẹp đẽ
- C. Tổ chức các nghi lễ tôn giáo rất hoành tráng
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 464: Tôn giáo nào dưới đây là tôn giáo chủ có ở Việt Nam?

- A. Phật giáo
-  B. Cao đài

- C. Hindu
- D. Thiên chúa giáo

Câu 465: Nguyên nhân cơ bản khiến cho những xã hội có đời kháng giai cấp, quyền lực của nhân dân không được thực hiện đầy đủ?

- A. Trình độ dân trí thấp.
-  B. Vấn duy trì chế độ tước hữu và tước liêu sản xuất.
- C. Trình độ pháp quyền còn sơ sài.
- D. Xã hội còn phân hóa giàu nghèo gay gắt.

Câu 466: Các sở kinh tế chủ yếu bao gồm thực thi dân chủ trong xã hội chủ nghĩa?

- A. Trình độ khoa học công nghệ phát triển.
- B. Hệ thống luật pháp phát triển.

-  C. Chế độ công hữu và tước liêu sản xuất chủ yếu.
- D. Nền kinh tế thị trường.

Câu 467: Nhà nước Việt Nam hiện nay hoạt động dựa trên sở thuộc nhất của các cơ quan quyền lực nào?

- A. Đảng cộng sản Việt Nam – Nhà nước – Mặt trận tổ quốc Việt Nam.
-  B. Quốc hội – Chính phủ – Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao.
- C. Các cơ quan trung ương – các cơ quan địa phương – Các tổ chức đoàn thể.
- D. Các cơ quan chính trị – Các cơ quan kinh tế – Các cơ quan văn hóa xã hội

Câu 468: Định nghĩa văn hóa theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin?

- A. Toàn bộ những giá trị do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử của mình. Văn hóa là biểu hiện của trình độ phát triển xã hội.
- B. Toàn bộ những giá trị tinh thần do con người sáng tạo ra bằng hoạt động nhận thức trong quá trình lịch sử của mình. Văn hóa là giá trị của trình độ phát triển xã hội trong từng thời kỳ lịch sử nhất định.
-  C. Toàn bộ những giá trị vật chất tinh thần do con người sáng tạo ra bằng lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình. Văn hóa là biểu hiện của trình độ phát triển xã hội trong từng thời kỳ lịch sử nhất định.
- D. Toàn bộ những giá trị vật chất tinh thần do giai cấp thống trị sáng tạo ra bằng lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình. Văn hóa là biểu hiện của trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội trong từng quốc gia dân tộc nhất định.

Câu 469: Định nghĩa nền văn hóa theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin?

- A. Nền văn hóa là một khái niệm dùng để chỉ sự kết tinh của những thang bậc, những giá trị văn hóa của con người trong một điều kiện lịch sử cụ thể với một giới hạn không gian và thời gian nhất định.
- B. Nền văn hóa là sự gắn liền trong tính liên tục của lịch sử văn hóa, là sự tổng kết, là bước ngoặt của lịch sử.
- C. Nền văn hóa là biểu hiện cho toàn bộ nội dung, tính chất của văn hóa được hình thành và phát triển trên cơ sở kinh tế-chính trị của mỗi thời kỳ lịch sử, trong đó ý thức hệ của giai cấp thống trị chi phối phương hướng phát triển và quyết định hệ thống các chính sách pháp luật quản lý các hoạt động văn hóa.

-  D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 470: Điền vào chỗ trống cụm từ thích hợp:

“Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa được xây dựng và phát triển trên nền tảng hủ tước của, do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, đưa nhân dân lao động thực sự trở thành chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa”.

- A. Chủ nghĩa Mác-Lênin.

-  B. Giai cấp công nhân.

- C. Đảng cộng sản.

D. Nhân dân lao động.

Câu 471: Những đức trưng cơ bản của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa?

A. Chủ nghĩa Mác-Lênin với tư cách là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, giữ vai trò chủ đạo và là nền tảng tư tưởng, quy định định hướng hàng phát triển nội dung của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

B. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

C. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa không hình thành và phát triển một cách tự phát. Trái lại, nó phải được hình thành và phát triển một cách tự giác, có sự quản lý của nhà nước và có sự có lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân.



D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 472: Ai là tác giả của định nghĩa sau về gia đình: "...Hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chúng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình."?



A. Các Mác.

B. Ph.Ăngghen.

C. C.Mác và Ph.Ăngghen

D. V.I.Lênin

Câu 473: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin thì điều kiện chủ yếu xã hội nào sẽ làm cho tình trạng áp bức các dân tộc bị xóa bỏ?



A. Chủ nghĩa xã hội.

B. Chủ nghĩa tư bản.

C. Công sản nguyên thủy.

D. Chủ đề phong kiến.

Câu 474: C.Mác không định: "...Tôn giáo là thuộc phẩm của nhân dân" là muốn đề cập đến chức năng nào của tôn giáo?

A. Chức năng điều chỉnh.



B. Chức năng đôn bù hệ lụy

C. Chức năng thi giời quan

D. Cả a, b, c đều sai.

Câu 475: Chủ nghĩa Mác-Lênin đã thể hiện việc chuyển chủ nghĩa xã hội từ không thành khoa học thông qua việc xác định phạm trù nào?

A. Đấu tranh giai cấp.

B. Giá trị thông dụng.



C. Sự minh lịch sử của giai cấp công nhân.

D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 476: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, đức trưng nào của giai cấp công nhân khiến cho nó trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản?

A. Là giai cấp đối diện cho phương thức sản xuất tư bản.



B. Là giai cấp không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động của mình để kiếm sống.

C. Là giai cấp tri thức trong đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội.

D. Là giai cấp có thế giác ngộ lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin.

Câu 477: Lực lượng chủ yếu thể hiện công tác tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Giai cấp nông dân.

B. Tầng lớp trí thức đã được giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin.



- C. Dân nghèo thành th.
- D. Bao gồm cả ba đáp trên.

Câu 478: Vì sao nội dung văn hoá xã hội là một nội dung quan trọng trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và trí thức?

- A. Tạo ra một lực lượng lao động có trình độ cao phục vụ cho chủ nghĩa xã hội.
- B. Nhu cầu xây dựng một chủ đề xã hội chủ nghĩa có tính nhân văn, văn minh, hiện đại.
- C. Nhu cầu thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.



- D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 479: Đây là công sở lý luận chủ yếu của C. Mác và Ph.Ăngghen để đoán sự ra đời tốt yếu của hình thái kinh tế-xã hội Công sản chủ nghĩa?

- A. Học thuyết về đấu tranh giai cấp.
- B. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội.
- C. Lý luận về cách mạng xã hội.



- D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 480: Theo V.I.Lênin, hình thái kinh tế-xã hội Công sản chủ nghĩa trải qua mấy giai đoạn?

- A. Hai.
- B. Ba.
- C. Bốn.
- D. Năm.



Câu 481: Theo C. Mác và Ph.Ăngghen những quốc gia nào có thể thực hiện cách mạng để xây dựng hình thái kinh tế-xã hội Công sản chủ nghĩa?



- A. Các nước tư bản phát triển.
- B. Các nước Âu Mỹ.
- C. Các nước kém phát triển.
- D. Các nước tư bản trung bình, thậm chí các nước chưa qua phát triển tư bản chủ nghĩa.

Câu 482: Theo V.I.Lênin những quốc gia nào có thể thực hiện cách mạng để xây dựng hình thái kinh tế-xã hội Công sản chủ nghĩa?

- A. Các nước tư bản phát triển.
- B. Các nước Âu Mỹ.
- C. Các nước kém phát triển.
- D. Các nước tư bản trung bình, thậm chí các nước chưa qua phát triển tư bản chủ nghĩa.



Câu 483: Chủ nghĩa xã hội có mấy đặc trưng cơ bản?

- A. Năm.
- B. Sáu.
- C. Bảy.
- D. Tám.



Câu 484: Qua phân tích của C.Mác, Ph.Ăng ghen và V.I.Lênin về giai đoạn cao của hình thái kinh tế-xã hội Công sản chủ nghĩa, đã cho chúng ta những bài học gì?

- A. Cho nghĩa công sơn chủ ra đời khi đã hội đủ các điều kiện về kinh tế-xã hội.
- B. Là một quá trình lâu dài, bằng việc không ngừng phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tổ chức xã hội và mọi mặt, giáo dục nâng cao tinh thần tự giác của con người.
- C. Quá trình xuất hiện giai đoạn cao của hình thái kinh tế-xã hội Công sơn chủ nghĩa ở các nước khác nhau diễn ra với những quá trình khác nhau. Trong tiến trình ấy, những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác và nhà nước, về dân chủ và nhân quyền giá trị.



D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 485: Nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu?

- A. Quan niệm và vận động không đúng đắn về CNXH
- B. Những sai lầm của đảng và của những người lãnh đạo cấp cao nhất ĐCS Liên Xô.
- C. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng "Diễn biến hòa bình"



D. Cả a, b và c đều đúng

Câu 486: Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là?

- A. Là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực
- B. Sự sụp đổ của một mô hình của chủ nghĩa xã hội trong quá trình đi tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
- C. Là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- D. Cả ba đáp án đều sai.

Câu 487: Thời đại mới – thời đại quá độ lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới bắt đầu từ:

- A. Từ cách mạng tháng 2 năm 1917
- B. Từ sau cách mạng Tháng 10 Nga năm 1917 thành công
- C. Từ khi bắt đầu thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP) 1921
- D. Từ sau khi Liên Xô kết thúc thời kỳ quá độ

Câu 488: Thực chất của TKQĐ lên CNXH là gì?

- A. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế
- B. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị
- C. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa



D. Cả a, b, c

Câu 489: Quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay có đặc điểm nào phù hợp với những xu thế chủ yếu của thời đại ngày nay?

- A. Mở rộng quan hệ đối ngoại.
- B. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- C. Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân do dân và vì dân.



D. Cả ba đáp án a, b, c.

Câu 490: Trong những mâu thuẫn cơ bản của thời đại hiện nay, mâu thuẫn nào là nổi bật, xuyên suốt thời đại và mang tính toàn cầu.



- A. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.
- B. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động.
- C. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc
- D. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau.

Câu 491: Những biểu hiện nào cho thấy những yếu tố nào của xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện trong lòng xã hội tư bản?

- A. Yếu tố của nền văn minh hữu công nghiệp, kinh tế tri thức nảy sinh và phát triển.
- B. Tính chất xã hội của số hữu ngày càng gia tăng; số diu tốt của nhà nước đối với thể trng ngày càng hữu hữu; tính nhân dân và xã hội của nhà nước tăng lên.
- C. Những vấn đề phúc lợi xã hội và môi trng... ngày càng được giải quyết tốt hơn.



D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 492: Công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc và công cuộc đổi mới ở Việt Nam có những nét tương đồng nào?

- A. Đã tạo bộ mô hình kinh tế kế hoạch tập trung chuyển sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa hoặc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia vào hội hợ các tổ chức quốc tế.
- B. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng hệ thống luật pháp ngày càng tương đồng với hệ thống luật pháp hiện đại để biệt là phù hợp với những cam kết quốc tế.
- C. Đem bộ số cấm quyền và lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trên tất cả các mặt.



D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 493: Những điểm tương đồng giữa mô hình CNXH mà VN xây dựng với mô hình “CNXH của Vê-nê-xuê-la” là?

- A. Về chính trị: nhân dân có trách nhiệm cùng tham gia quyết định vấn mnh của đất nước, tham gia vào công việc xây dựng một nhà nước pháp quyền, thực hiện công bằng xã hội.
- B. Chế trng thực hiện kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước và hợp tác xã nôm vai trò chủ đạo.
- C. Chế trng thực hiện phân phối công bằng của xã hội để giải quyết vấn đề bất bình đẳng và phân hoá xã hội



D. bao gồm ba đáp án trên.

Câu 494: Là một nước thuộc khối XHCN hiện đang bị các nước tư bản (M, Nhật, Hàn Quốc...) công kích rất gay gắt, đó là quốc gia nào?

- A. Cộng hòa XHCN Việt Nam
- B. Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa



C. Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên

D. Cộng hòa nhân dân Cu-ba

Câu 495: Ở Châu Âu quốc gia tư bản nào cũng đã được tng xem là một trong những “mô hình của CHXN”?

- A. Hà lan
- B. Thụy Điển
- C. Phần Lan
- D. Thụy Sĩ



Câu 496: Tình cnh của các nước Đông Âu thuộc khối XHCN cũ hiện nay như thế nào?

- A. Đã trở thành các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.
- B. Bị lệ thuộc khối NATO và các nước tư bản phát triển về kinh tế và chính trị.
- C. Đang có khuynh hướng xây dựng lại CHXN.
- D. Đang hợp tác để hình thành một liên minh đối trng với NATO.

